

BÀI 2:
BÀI HỌC CUỘC SỐNG
(Truyện ngụ ngôn)

(13 tiết)

TRI THỨC NGŨ VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Đặc điểm truyện ngụ ngôn
- Chủ đề: Bài học cuộc sống

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực riêng biệt:

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết được các công dụng của dấu chấm lửng.
- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả.
- Biết kể một truyện ngụ ngôn; biết sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị, dí dỏm, hài hước trong khi nói và nghe.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: yêu thương bạn bè, người thân; biết ứng xử đúng mực, nhân văn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT số 1,2
- Tranh ảnh
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

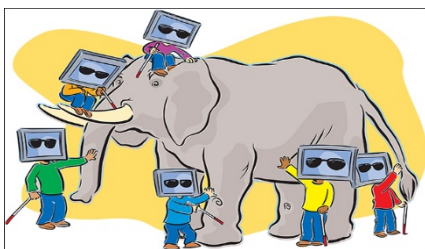
A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b) Nội dung: Giáo viên tổ chức trò chơi Ô chữ bí mật hoặc Đuổi hình bắt chữ

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS





HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Cách 1: Gv tổ chức trò chơi Ô chữ bí mật</i> <i>Cách 2: Gv tổ chức trò chơi Đuổi hình bắt chữ</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe - GV quan sát Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - Hs trả lời Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài	- Hs tham gia trò chơi

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu:

- Xác định được chủ đề, thể loại chính

b. Nội dung: Gv gợi mở để học sinh tìm hiểu giới thiệu bài học

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học cùng với câu hỏi:</i> + Chủ đề của bài học là gì + Thể loại chính của chủ đề? Kể tên các văn bản trong chủ đề	I. Tìm hiểu giới thiệu bài học - Học sinh dựa vào phần mở đầu, tên bài học để trả lời về chủ đề: “Bài học cuộc sống” - Thể loại: Truyện ngụ ngôn - Các văn bản: + Những cái nhìn hạn hẹp

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ - GV lắng nghe, gợi mở Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - Hs trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh	+ Những tình huống hiểm nghèo + Biết người, biết ta + Chân, tay, tai, mắt, miệng
--	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu tri thức đọc hiểu

a. Mục tiêu:

- Đặc điểm truyện ngụ ngôn

b. Nội dung: Gv tổ chức thảo luận nhóm bằng các PHT

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Truyện ngụ ngôn là gì? Nêu các yếu tố của truyện ngụ ngôn?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, suy nghĩ - GV lắng nghe, gợi mở Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - Hs trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh	II. Tìm hiểu tri thức đọc hiểu <i>Truyện ngụ ngôn</i> là những truyện kể ngắn gọn, hàm súc, bằng văn xuôi hoặc văn vần. Truyện thường đưa ra bài học về cách nhìn sự việc, cách ứng xử của con người trong cuộc sống. <i>Đề tài trong truyện ngụ ngôn:</i> thường là những vấn đề đạo đức hay những cách ứng xử trong cuộc sống. <i>Nhân vật trong truyện ngụ ngôn</i> có thể là loài vật, đồ vật hoặc con người. Các nhân vật hầu như không có tên riêng, thường được người kể chuyện gọi bằng danh từ chung như: rùa, thỏ, sói, cừu, cây sậy, thầy bói, bác nông dân... Từ suy nghĩ, hành động, lời nói của nhân vật ngụ ngôn, người nghe, người đọc có thể rút ra những bài học sâu sắc. <i>Sự kiện (hay sự việc)</i> là yếu tố quan trọng góp phần làm nên câu chuyện. Trong truyện ngụ ngôn, một câu chuyện thường xoay quanh một sự kiện chính. Chẳng hạn, ở truyện <i>Thỏ và rùa</i>, sự kiện chính là cuộc chạy thi giữa hai nhân vật thỏ và rùa. <i>Cốt truyện của truyện ngụ ngôn</i> thường xoay quanh một sự kiện (một hành vi ứng xử, một quan niệm, một nhận thức phiến diện, sai lầm,...) nhằm đưa ra bài học hay lời khuyên nào đó. <i>Tình huống truyện</i> là tình thế làm nảy sinh câu chuyện khiến nhân vật bộc lộ đặc điểm, tính

	cách của mình. Qua đó, ý nghĩa của câu chuyện được khơi sâu. Chẳng hạn, tình huống truyện trong <i>Thỏ và rùa</i> là cuộc chạy đua giữa hai con vật và kết quả có tính bất ngờ, làm lộ rõ đặc điểm của mỗi nhân vật và bài học từ câu chuyện. <i>Không gian trong truyện ngụ ngôn</i> là khung cảnh, môi trường hoạt động của nhân vật ngụ ngôn, nơi xảy ra sự kiện, câu chuyện (một khu chợ, một giếng nước, một khu rừng,...). <i>Thời gian trong truyện ngụ ngôn</i> là một thời điểm, khoảnh khắc nào đó mà sự việc, câu chuyện xảy ra, thường không xác định cụ thể.
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi ...để hướng dẫn học sinh luyện tập

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ 1. Truyện ngụ ngôn là gì? A. Truyện ngụ ngôn là những truyện kể ngắn gọn, hàm súc bằng văn xuôi, giúp người ta rút ra những bài học kinh nghiệm trong cuộc sống, cách ứng xử ở đời. B. Truyện ngụ ngôn là những truyện kể ngắn gọn, hàm súc bằng thơ giúp người ta rút ra những bài học kinh nghiệm trong cuộc sống, cách ứng xử ở đời. C. Truyện ngụ ngôn là những truyện kể có nhân vật, có cốt truyện giúp người ta rút ra những bài học hay trong cuộc sống. D. Truyện ngụ ngôn là những truyện kể ngắn gọn, hàm súc bằng văn xuôi hoặc văn vần giúp người ta rút ra những bài học kinh nghiệm trong cuộc sống, cách ứng xử ở đời. 2. Mục đích chủ yếu của truyện ngụ ngôn là gì? A. Khuyên nhủ hoặc đưa ra một bài học nào đó về cách nhìn nhận sự việc, cách ứng xử của con người trong cuộc sống. B. Tạo tiếng cười, phê phán thói hư, tật xấu trong xã hội. C. Phản ánh cuộc đấu tranh giữa thiện và ác. D. Thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân về các sự kiện và các nhân vật lịch sử. 3. Truyện ngụ ngôn thường hướng đến đề tài nào? A. Là những mâu thuẫn trong gia đình và cách ứng xử với các mâu thuẫn đó. B. Là những vấn đề của xã hội và cách ứng xử các vấn	Gợi ý:

đề đó.

C. Là những vấn đề đạo đức, hay những cách ứng xử trong cuộc sống,...

D. Là những ước mơ công lý của nhân dân về một xã hội công bằng.

4. Truyện ngụ ngôn xây dựng nhân vật như thế nào?

A. Loài vật, con người.

B. Loài vật,

đồ vật hoặc con người.

C. Loài vật.

D. Con người.

5. Các sự kiện trong truyện ngụ ngôn thường được xây dựng như thế nào?

A. Một câu chuyện thường xoay quanh một nhân vật chính.

B. Một câu chuyện thường xoay quanh một sự kiện chính.

C. Một câu chuyện thường xoay quanh nhân vật chính và các nhân vật phụ.

D. Một câu chuyện thường xoay quanh nhân vật trung tâm.

6. Cốt truyện trong truyện ngụ ngôn thường hướng đến điều gì?

A. Phê phán, lên án thói hư tật xấu của con người.

B. Vạch trần cái ác, cái xấu có tính bản chất của giai cấp thống trị (thời xưa).

C. Ca ngợi và bênh vực cho đạo đức con người thông qua nhân vật lí tưởng, kiểu mẫu.

D. Đưa ra bài học hay lời khuyên nào đó.

7. Không gian trong truyện ngụ ngôn được xây dựng như thế nào?

A. Là khung cảnh, môi trường hoạt động của nhân vật ngụ ngôn, nơi xảy ra câu chuyện.

B. Là trong một khu rừng hoặc trên cánh đồng rộng lớn, nơi xảy ra câu chuyện.

C. Là ở một phiên chợ hay trong một gia đình nào đó, nơi xảy ra câu chuyện.

D. Là một phiên chợ, một giếng nước, một khu rừng nơi xảy ra câu chuyện.

8. Thời gian trong truyện ngụ ngôn được xác định như thế nào?

A. Là một thời điểm cụ thể diễn ra câu chuyện.

B. Là một khoảnh khắc cụ thể nơi diễn ra sự việc, câu chuyện.

C. Là một thời điểm, khoảnh khắc nào đó mà sự việc, câu chuyện xảy ra, thường không xác định cụ thể.

D. Là các thời điểm khác nhau mà sự việc, câu chuyện xảy ra, thường được xác định cụ thể từng thời điểm, từng khoảnh khắc của câu chuyện.

9. Trong các truyện sau, những truyện nào là truyện

ngụ ngôn?

A.Ếch ngồi đáy giếng, Thầy bói xem voi, Hai người bạn đồng hành và con gấu, Treo biển, Lợn cưới áo mới.

B.Ếch ngồi đáy giếng, Thầy bói xem voi, Hai người bạn và con gấu, Thà chết còn hơn.

C.Ếch ngồi đáy giếng, Thầy bói xem voi, Hai người bạn đồng hành và con gấu, Chó sói và chiên con, Đeo nhạc cho mèo.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ

- Gv quan sát, hỗ trợ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV tổ chức hoạt động

- HS trả lời

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, bổ sung

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv hướng dẫn học sinh làm thẻ thông tin

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS, sản phẩm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Làm thẻ thông tin các từ khóa quan trọng của phân tri thức ngữ văn</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức hoạt động - HS trả lời Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung	Hs tự thực hiện

VĂN BẢN 1, 2: NHỮNG CÁI NHÌN HẠN HẸP

I. MỤC TIÊU

- Đặc điểm truyện ngụ ngôn
- Chủ đề: Bài học cuộc sống

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực riêng biệt:

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học.
- Biết kể một truyện ngụ ngôn; biết sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị, dí dỏm, hài hước trong khi nói và nghe.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết ứng xử đúng mực, nhân văn.

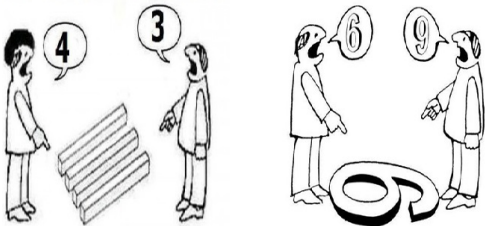
II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT số 1
- Tranh ảnh
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV
- c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Gv chiếu hình ảnh. Em có suy nghĩ gì về bức ảnh dưới đây?</i> AI ĐÚNG - AI SAI ?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực	- Hs quan sát, gợi ý + Bức vẽ ghi lại cuộc tranh luận của hai người đứng ở hai phía khác nhau. Họ sẽ không tìm được tiếng nói chung, vì ai cũng cho là mình đúng. + Từ đó, bức vẽ đặt ra cho chúng ta một vấn đề: để đánh giá một sự việc một cách đúng đắn, hãy xem xét nó ở nhiều khía cạnh, nhiều góc độ. => Đó cũng là chủ đề của tiết học hôm nay

hiện nhiệm vụ - Hs làm việc cá nhân, tham gia trò chơi - GV quan sát Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét	
--	--

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản

a. Mục tiêu: Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + GV hướng dẫn cách đọc + Gv hướng dẫn hs tìm hiểu chú thích - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Hs làm việc cá nhân - GV quan sát Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức	I. Trải nghiệm cùng văn bản 1. Đọc - Hs lần lượt đọc từng truyện - Lưu ý dừng đọc đúng thời điểm để trả lời các câu hỏi trong hộp chỉ dẫn 2. Chú thích - Chúa tể - Thầy bói - Sun sun - Đòn càn - Quạt thóc - Chối sê - Tua tua

Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi

a. Mục tiêu:

- Đặc điểm truyện ngụ ngôn
- Chủ đề: Bài học cuộc sống
- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học.
- Biết kể một truyện ngụ ngôn; biết sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị, dí dỏm, hài hước trong khi nói và nghe.
- Biết ứng xử đúng mực, nhân văn.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM				
NV1: Hướng dẫn học sinh tóm tắt truyện và xác định đề tài Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV phát PHT số 1, HS làm việc nhóm đôi - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời câu hỏi - Gv quan sát, cố vấn Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	III. Suy ngẫm và phản hồi 1. Tóm tắt truyện và xác định đề tài - Tóm tắt nội dung câu chuyện: +Ếch ngồi đáy giếng: Có một con ếch sống lâu ngày trong một cái giếng, xung quanh chỉ có nhái, cua, ốc, chúng rất sợ tiếng kêu của ếch. Ếch tưởng mình oai như vị chúa tể và coi trời bé bằng cái vung. Năm trời mưa to khiến nước mưa ngập giếng và đưa ếch ra ngoài, quen thói cũ ếch đi lại nghênh ngang đã bị một con trâu đi ngang dẫm bẹp. + Thầy bói xem voi: Năm ông thầy bói mù góp tiền biếu người quan voi để cho xem con voi có hình thù thế nào. Mỗi ông sờ một bộ phận của voi. Ông sờ vòi bảo con voi sun sun như con đĩa; ông sờ ngà bảo con voi chần chần như cái đòn càn; ông sờ tai bảo con voi như cái quạt thóc; ông sờ chân nói con voi như cái cột đình; ông sờ đuôi lại bảo con voi tun tun như các chôi sỏ cùn. Năm ông cãi nhau rồi đánh nhau toác đầu chảy máu. - Đề tài của hai văn bản: +Ếch ngồi đáy giếng: tính tự cao, tự đại có thể làm hại bản thân. + Thầy bói xem voi: Để biết rõ về sự vật, sự việc, phải xem xét chúng một cách toàn diện.				
NV2: Tìm hiểu Tình huống truyện Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời câu hỏi - Gv quan sát, cố vấn Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	2. Tình huống truyện <table><tr><th>Tình huống truyệnẾch ngồi đáy giếng</th><th>Tình huống truyệnThầy bói xem voi</th></tr><tr><td>Bị nước đẩy lên mặt đất con ếch lâu năm “ngồi đáy giếng” vẫn quen thói nhâng nháo tự hù, xem bầu trời là cái vung và bản thân là chúa tể nên đã bị con</td><td>Năm ông thầy bói mù rủ nhau “xem voi”, mỗi ông chỉ sờ được một phần cơ thể con voi, nhưng ai cũng tin chỉ có mình miêu tả đúng về con voi dẫn đến xô xát,</td></tr></table>	Tình huống truyệnẾch ngồi đáy giếng	Tình huống truyệnThầy bói xem voi	Bị nước đẩy lên mặt đất con ếch lâu năm “ngồi đáy giếng” vẫn quen thói nhâng nháo tự hù, xem bầu trời là cái vung và bản thân là chúa tể nên đã bị con	Năm ông thầy bói mù rủ nhau “xem voi”, mỗi ông chỉ sờ được một phần cơ thể con voi, nhưng ai cũng tin chỉ có mình miêu tả đúng về con voi dẫn đến xô xát,
Tình huống truyệnẾch ngồi đáy giếng	Tình huống truyệnThầy bói xem voi				
Bị nước đẩy lên mặt đất con ếch lâu năm “ngồi đáy giếng” vẫn quen thói nhâng nháo tự hù, xem bầu trời là cái vung và bản thân là chúa tể nên đã bị con	Năm ông thầy bói mù rủ nhau “xem voi”, mỗi ông chỉ sờ được một phần cơ thể con voi, nhưng ai cũng tin chỉ có mình miêu tả đúng về con voi dẫn đến xô xát,				

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

NV3: Tìm hiểu nhân vật

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

Khía cạnh	Ếch ngồi đáy giếng	Thầy bói xem voi	Đặc điểm của nhân vật truyện ngụ ngôn
Loại nhân vật			
Tên nhân vật			
Căn cứ để rút ra bài học			

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

- Gv quan sát, cố vấn

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày câu trả lời

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

NV4: Hướng dẫn học sinh rút ra bài học

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chuyển giao nhiệm vụ

Nhận xét về cách gieo vần, ngắt nhịp trong bài thơ và cho biết tác dụng của vần, nhịp trong việc thể hiện “Lời của cây”?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

trâu đâm chết (-> bộc lộ tác hại của sự ngộ nhận về bản thân)

đánh nhau (-> bộc lộ tác hại của lối nhận thức phiến diện về sự vật)

3. Nhân vật

Khía cạnh	Ếch ngồi đáy giếng	Thầy bói xem voi	Đặc điểm của nhân vật truyện ngụ ngôn
Loại nhân vật	Loài vật	Con người	Là loài vật, đồ vật, con người
Tên nhân vật	Con ếch và các con vật nhỏ bé sống trong đáy giếng	Năm ông thầy bói mù	Không có tên riêng, được gọi bằng danh từ chung
Căn cứ để rút ra bài học	Hành động và tiếng kêu với hàng loạt biểu hiện hàm chứa lời nhắc nhở, bài học với người đọc, người nghe	Hành động “xem voi” và những lời cãi vã gần đở ả chứa bài học về cách nhận thức sự vật	Suy nghĩ, hành động, lời nói... ả chứa những bài học sâu sắc

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi
- Gv quan sát, cổ vũ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày câu trả lời
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

NV5: Hướng dẫn học sinh rút ra cách đọc truyện ngụ ngôn

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chuyển giao nhiệm vụ

Những lưu ý chung về cách đọc mỗi thể loại

Yếu tố	Đọc truyện ngụ ngôn	Đọc truyện cổ tích
Cốt truyện		
Nhân vật		
Nội dung, ý nghĩa		

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi
- Gv quan sát, cổ vũ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày câu trả lời
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

4. Bài học

- Éch ngồi đầy giềng:
- + Hoàn cảnh sống hạn hẹp sẽ ảnh hưởng đến nhận thức về chính mình và thế giới xung quanh.
- + Không được tự cao, tự đại, chủ quan, kiêu ngạo, coi thường những đối tượng xung quanh mà phải khiêm tốn
- + Dù môi trường, hoàn cảnh sống có giới hạn, khó khăn hay thay đổi vẫn phải cố gắng mở rộng tầm hiểu biết của mình bằng nhiều hình thức khác nhau. Phải biết những hạn chế của mình, để cố gắng mở rộng tầm hiểu biết, phải nhìn xa trông rộng.
- Thầy bói xem voi: nên nhận định sự việc, sự vật với cách nhìn tổng thể, không nên lấy bộ phận thay cho toàn thể. Mỗi người cần phải biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến của nhau nhằm đánh giá sự việc, sự vật một cách tổng thể, khách quan và chính xác nhất.

5. Cách đọc truyện ngụ ngôn

Những lưu ý chung về cách đọc mỗi thể loại

Yếu tố	Đọc truyện ngụ ngôn	Đọc truyện cổ tích
Cốt truyện	Cần nắm được đặc điểm riêng: Xoay quanh một hành vi ứng xử, một quan niệm, một nhận thức, phiến diện, sai lầm,... có tính chất cường điệu, tạo một ấn	Cần nắm được đặc điểm riêng: Có mở đầu “ngày xưa ngày xưa”; có xung đột đầu tranh giữa cái thiện, cái ác; thường sử dụng yếu tố kì ảo; hướng đến một kết thúc có hậu,...

		tượng rõ rệt, hướng đến một bài học, một lời khuyên...	
	Nhân vật	Tìm hiểu những ngộ nhận, sai lầm, thói tật của nhân vật để rút ra bài học, tự điều chỉnh nhận thức và cách ứng xử. Tìm hiểu nhân vật (nhận thức và cách hành xử) qua những tình huống bộc lộ nhận, sai lầm, thói tật,...	Phân biệt nhân vật theo hai tuyến: thiện-ác, tốt-xấu. Tìm hiểu đặc điểm của nhân vật qua cách họ vượt qua khó khăn thử thách.
	Nội dung, ý nghĩa	Hiểu và tự đúc rút được bài học để tránh những sai lầm trong cuộc sống.	Hiểu, chia sẻ ước mơ về công lí và hạnh phúc của tác giả dân gian.

Hoạt động 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

b. Nội dung: Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ	III. Tổng kết 1. Nội dung - Truyện kể về cuộc sống của một chú ếch kiêu ngạo khi ở trong giếng chỉ coi trời bằng vung, đến khi ra ngoài không thềm để ý xung

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, hướng dẫn - HS suy nghĩ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	quanh nên bị con trâu giẫm bẹp và việc xem voi và phán voi của 5 ông thầy bói. Qua đó phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp mà huyênh hoang và khuyên chúng ta cần cố gắng mở rộng tầm hiểu biết, không được chủ quan, kiêu ngạo và đánh giá sự vật, hiện tượng một cách toàn diện, khách quan 2. Nghệ thuật - Tình huống bất ngờ hài hước kín đáo. - Xây dựng hình tượng nhân vật gần gũi với đời sống. - Kể chuyện ngắn gọn, cách nói bằng ngụ ngôn, giáo huấn tự nhiên sâu sắc. - Sử dụng từ láy, phép so sánh, nghệ thuật phóng đại.				
Cách tổng kết 2 PHT số ... <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <th style="width: 50%; text-align: center; color: red;">Những điều em nhận biết và làm được</th><th style="width: 50%; text-align: center; color: red;">Những điều em còn băn khoăn</th></tr> <tr> <td style="height: 100px;"></td><td style="height: 100px;"></td></tr> </table> ..		Những điều em nhận biết và làm được	Những điều em còn băn khoăn		
Những điều em nhận biết và làm được	Những điều em còn băn khoăn				

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi “Ai là triệu phú” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: <i>Gv tổ chức trò chơi “Ai là triệu phú” để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học.</i> Thầy bói xem voi 1. Các sự việc trong truyện <i>Thầy bói xem voi</i> diễn ra như thế nào? A. Các thầy bói xem voi, các thầy bói phán về voi, hậu quả của việc xem và phán về voi. B. Các thầy bói xem voi, các thầy bói tranh cãi với nhau về chuyện con voi có những bộ phận nào. C. Các thầy bói xem voi, các thầy bói đoán sai về voi. D. Các thầy bói xem voi và bài học được các thầy bói rút ra sau khi xem voi. 2. Các ông thầy bói trong truyện <i>Thầy bói xem voi</i> có đặc điểm chung nào? A. Đều muốn biết con voi có hình dáng như thế nào. B. Đều hành nghề thầy bói. C. Đều bị mù nhưng đều muốn xem voi để biết con voi có hình dáng ra sao.	

- D. Điều thích khám phá, tìm hiểu những sự vật, hiện tượng... mình chưa biết.
- 3. Các thầy bói trong truyện *Thầy bói xem voi*, xem voi trong hoàn cảnh nào?**
- A. Chưa biết con voi như thế nào nên rủ nhau cùng đi xem voi.
B. Ế hàng, ngồi tán gẫu; có con voi đi qua.
C. Có con voi đi qua và đổ nhau xem ai đoán đúng hình dáng con voi nhanh nhất.
D. Trời mưa, nên rủ nhau cùng đi xem voi.
- 4. Có gì khác thường trong cách xem voi của các thầy bói trong truyện *Thầy bói xem voi*?**
- A. Xem voi bằng tay, mỗi thầy chỉ sờ được một bộ phận của con voi.
B. Xem voi bằng tay, sờ được hết các bộ phận của con voi.
C. Xem voi trong buổi ế hàng nên tâm trạng không vui.
D. Phải bỏ tiền ra để xem con voi như thế nào nên tâm trạng không vui.
- 5. Trong truyện *Thầy bói xem voi*, đâu là sai lầm của các thầy bói khi xem voi?**
- A. Vì họ chỉ dùng tay sờ voi thay cho xem voi bằng mắt.
B. Vì con voi to quá, nên các thầy sợ, không dám sờ hết các bộ phận của voi.
C. Các thầy xem voi phiến diện, qua loa.
D. Mỗi thầy chỉ sờ được một phần của con voi nhưng lại tự hào mình là người nói đúng nhất về voi.
- 6. Qua truyện *Thầy bói xem voi*, truyện muốn khuyên mọi người điều gì?**
- A. Muốn tìm hiểu sự vật, phải cách tiếp cận thích hợp, xem xét toàn diện, không lấy bộ phận thay cho toàn thể, phải biết lắng nghe ý kiến của người khác, không dùng vũ lực để giải quyết nhận thức.
B. Muốn tìm hiểu sự vật, cần có cách nhìn nhận khách quan, khoa học, cần giải quyết các mâu thuẫn bằng đối thoại, không nên dùng vũ lực.
C. Cần có cách nhìn nhận khách quan, khoa học, về các sự vật, hiện tượng trong cuộc sống và cần giải quyết các mâu thuẫn bằng đối thoại không nên dùng vũ lực.
D. Phải biết lắng nghe ý kiến của người khác và cần tôn trọng ý kiến của nhau.
- 7. Trong các thành ngữ sau, thành ngữ nào không liên quan đến truyện *Thầy bói xem voi*?**
- A. Chín người mười ý.
B. Cãi cối, cãi chày.
C. Biết người, biết ta.
D. Thầy bói xem voi.
- 8. Vì sao các con vật trong truyện *Ếch ngồi đáy giếng* lại sợ ếch.**
- A. Hằng ngày, ếch thường đánh mắng các con vật sống chung trong giếng.
B. Hằng ngày, ếch thường chiếm các vị trí tốt nhất trong giếng để nghỉ ngơi.
C. Hằng ngày, ếch thường tranh các miếng mồi mà các con vật khác tìm được.
D. Hằng ngày, ếch tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng.
- 9. Cuộc sống của Ếch trong truyện *Ếch ngồi đáy giếng* là một cuộc sống như thế nào?**
- A. Tuy giếng nước sâu nhưng rất thoải mái.
B. Chật hẹp, đơn giản, trì trệ.
C. Ôn ào, náo nhiệt và rất vui vẻ.
D. Tranh giành thức ăn, không có sự đoàn kết.
- 10. Trong văn bản *Ếch ngồi đáy giếng*, ở trong giếng, ếch tự thấy mình là người như thế nào?**
- A. Là con vật có quyền uy to nhất giếng.
B. Là con vật có tiếng kêu to nhất thiên hạ.

C. Bầu trời trên đầu chỉ bằng cái vung và nó thì oai như một vị chúa tể.

D. Bầu trời trên đầu chỉ bằng cái mâm và nó thì oai như một vị chúa tể.

11. Trong truyệnẾch ngồi đáy giếng, ếch ra khỏi giếng bằng cách nào?

A. Mưa to, làm nước trong giếng dâng lên, tràn bờ, đưa ếch ra ngoài,

B. Ếch tự nhảy ra khỏi giếng, vì muốn xem trời mưa to như thế nào?

C. Ếch đánh nhau với các con vật khác, nên bị các con vật khác đuổi ra.

D. Ếch bị người đi soi ếch bắt ra khỏi giếng.

12. Khi ra khỏi giếng, ếch trong truyệnẾch ngồi đáy giếng tỏ thái độ gì?

A. Vui mừng vì có được một không gian rộng lớn nên nghênh ngang đi.

B. Buồn chán vì không có loài vật nào tỏ ra sợ ếch, nên rất tức giận.

C. Nghênh ngang đi khắp lại khắp nơi, cất tiếng kêu ôm ồm, nhặng nháo,..nhìn lên bầu trời,...

D. Khiêm tốn muốn học hỏi vì thấy kiến thức của mình còn nông cạn.

13. Thành ngữẾch ngồi đáy giếng chỉ điều gì?

A. Chỉ người ít hiểu biết, kiến thức nông cạn do điều kiện tiếp xúc hạn hẹp, kẻ nông nhênh, tự phụ; đánh giá, nhận diện sự việc nông nổi, theo chủ quan của mình.

B. Chỉ người ít hiểu biết, kiến thức nông cạn do điều kiện tiếp xúc hạn hẹp, những kẻ đó sẽ bị người khác xa lánh, hoặc sẽ có kết thúc không tốt.

C. Chỉ người ít hiểu biết, kiến thức nông cạn do điều kiện tiếp xúc hạn hẹp, nhưng luôn chịu khó học hỏi, để ngày càng tiến bộ hơn.

D. Chỉ người ít hiểu biết, kiến thức nông cạn do điều kiện tiếp xúc hạn hẹp nhưng kiêu căng nên bị mọi người coi thường, ghét bỏ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS tham gia trò chơi

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Có thể giao về nhà)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

c. Sản phẩm học tập: đoạn văn của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Em hãy:</i> - <i>Sưu tầm một số văn bản truyện ngụ ngôn và tranh ảnh, phim hoạt hình minh họa các truyện ngụ ngôn ấy (nếu có).</i> - <i>Thể hiện cảm nhận của mình về một trong các truyện ngụ ngôn (đã học, đã đọc) bằng cách ghi nhật kí đọc truyện, vẽ tranh minh họa,...</i>	1. Suy bụng ta ra bụng người: Có con quạ tha được xác một con chuột thối về ngồi trên cây rĩa mồi. Điều từ trên cao nó thấy liền hạ cánh xuống bảo: – Này anh Quạ ơi, xác con chuột bị ngấm thuốc độc, đừng ăn mà chết đấy anh ạ! Quạ chẳng nghe mà lại còn la mắng:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	– Anh muốn chia phần miếng mồi ngon của tôi đây hử, chẳng đời nào! Nói rồi Quạ bầu lấy con mồi, quay lưng lại ăn tiếp. Điều thấy ý tốt của mình bị nghi oan liền bỏ đi không thèm nói nữa. Quạ ăn hết miếng mồi, liền bị đứt ruột chết ngay. 2. Trùn và cá: Trùn bị móc vào lưỡi câu quăng xuống nước, thấy Cá lượn muốn cắn, nó lên tiếng báo: – Người ta bắt tôi làm mồi để câu anh. Tôi chết đã đành, còn anh bị mắc câu sống thế nào được? Cá nghe nói thế sợ hãi bỏ đi. Người đi câu chờ lâu không thấy động, ngỡ là con mồi kém nhạy nên gỡ Trùn quăng đi. Nhờ vậy Trùn lại gặp Cá. Cá ngỏ lời cảm ơn. Nhưng Trùn cũng cảm ơn lại Cá vì nhờ Cá không ăn mồi nên người ta mới gỡ Trùn quăng đi.
---	--

IV. Phụ lục

Câu 6: Thu hoạch qua sưu tầm và vận dụng ngoài giờ học

Để thuận lợi cho HS hệ thống hóa những sưu tầm liên quan đến bài học, GV hướng dẫn HS ghi chép theo một mẫu bảng tổng hợp vào Sổ tay “*năng nhặt chặt bị*”

Sổ tay “năng nhặt chặt bị” - Bài học cuộc sống

TT	Tên truyện sưu tầm được	Tranh ảnh, tư liệu liên quan
1	Ve và kiến (bản dịch thơ của Nguyễn Văn Vĩnh)	Phim hoạt hình ve và kiến, một số bản dịch thơ khác.
2	Phần của sư tử (Ê-dốp, bản dịch văn xuôi)	Ảnh minh họa
3	...	
4	...	

VĂN BẢN 3, 4: NHỮNG TÌNH HUỐNG HIỂM NGHÈO

I. MỤC TIÊU

- Đặc điểm truyện ngụ ngôn
- Chủ đề: Bài học cuộc sống

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực riêng biệt:

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học.
- Biết kể một truyện ngụ ngôn; biết sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị, dí dỏm, hài hước trong khi nói và nghe.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết ứng xử đúng mực, nhân văn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT số 1,2,
- Tranh ảnh
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Gv tổ chức trò chơi “Phô mai con bò cười”.</i> <i>Có một chiếc bánh phô mai bị chia thành 6 phần, để có được miếng bánh, em phải trả lời đúng câu hỏi.</i> 	- Tình thương - Chọn bạn - Sông - Rạng - Học bạn - Bỏ cỏ

Câu 1: Sống trong bể ngọc kim cương,
Không bằng sống giữa tình ... bạn bè.
Câu 2: Ở chọn nơi, chơi ...
Câu 3: Đã là bạn thì mãi mãi là bạn,
Đừng như ... lúc cạn lúc đầy.
Câu 4: Gần mực thì đen, gần đèn thì ...
Câu 5: Học thầy không tày ...
Câu 6: Một con ngựa đau cả tàu ...
Những từ khóa trong mảnh ghép giúp em
liên tưởng đến điều gì?

1. - HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- GV quan sát, hỗ trợ, gợi mở
- HS thảo luận nhóm để thống nhất sản phẩm

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Gv tổ chức hoạt động, gọi 2-3 nhóm trình bày sản phẩm
- HS trình bày sản phẩm thảo luận, hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức
- Đúng vậy, những từ khóa chính là tiêu chí để làm nên một tình bạn đẹp. Thiếu đi một trong những tiêu chí ấy, đặc biệt là sự tin tưởng, đồng cam cộng khổ thì tình bạn sẽ chẳng còn là tình bạn nữa. Một phần nội dung văn bản Những tình huống hiểm nghèo sẽ là minh chứng cho điều này*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản

a. Mục tiêu: Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + GV hướng dẫn cách đọc + Gv hướng dẫn hs tìm hiểu chú thích - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Hs làm việc cá nhân	I. Trải nghiệm cùng văn bản 1. Đọc - Hs lần lượt đọc từng truyện - Lưu ý dừng đọc đúng thời điểm để trả lời các câu hỏi trong hộp chỉ dẫn

- GV quan sát Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức	2. Chú thích - Chó sói - Chiên con - Đương
---	--

Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi

a. Mục tiêu:

- Đặc điểm truyện ngụ ngôn
- Chủ đề: Bài học cuộc sống
- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chính thể của tác phẩm; nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học.
- Biết kể một truyện ngụ ngôn; biết sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị, dí dỏm, hài hước trong khi nói và nghe.
- Biết ứng xử đúng mực, nhân văn.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS				DỰ KIẾN SẢN PHẨM			
NV1: Tìm hiểu không gian, thời gian Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Gv phát PHT số 1, học sinh thảo luận nhóm 4-6 hs</i>				II. Suy ngẫm và phản hồi 1. Tìm hiểu không gian, thời gian			
Tên văn bản	Từ chỉ thời gian	Từ ngữ chỉ không gian	Nhận xét về không gian trong hai văn bản	Tên văn bản	Từ chỉ thời gian	Từ ngữ chỉ không gian	Nhận xét về không gian trong hai văn bản
Hai người bạn đồng hành và con gấu				Hai người bạn đồng hành và con gấu	đương, bấy giờ	Tron g rừng, trong đám lá, trong cát, trên cây.	Không gian không được xác định, miêu tả cụ thể => Hướng đến bài học chung
Chó sói và				Chó sói và chiên	Tức khắc, năm ngoái,	Dòng suối trong	

chiên con			
-----------	--	--	--

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

- GV quan sát, gợi mở

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm

- GV quan sát, hỗ trợ

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu tình huống truyện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

Gv phát PHT số 2, Hs làm việc cá nhân

Tình huống và tác dụng tình huống	Hai người bạn đồng hành và con gấu	Chó sói và chiên con
Tình huống		
Tác dụng		

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

- GV quan sát, gợi mở

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm

- GV quan sát, hỗ trợ

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

con	khi tôi còn chưa ra đời	, phía nguồn trên, rừng sâu.	cho mọi người
-----	-------------------------	------------------------------	---------------

2. Tình huống truyện

Tình huống và tác dụng tình huống	Hai người bạn đồng hành và con gấu	Chó sói và chiên con
Tình huống	Hai người bạn đang đi trong rừng thì một chú gấu nhảy ra vồ. Người bạn đi trước đã bỏ mặc người còn lại để leo lên cây. Người còn lại đã giả chết và thoát khỏi con gấu. (bộc lộ hành động “bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn” của một trong hai nhân vật)	Một con sói đang đói bụng lại gặp chiên con ra suối uống nước, bèn bịa ra đủ lí do để ăn thịt chiên (bộc lộ lối “lí sự cùn” và sự tàn ác của “kẻ mạnh”)
Tác dụng	- Thể hiện bản chất vì mạng sống của mình mà bỏ mặc bạn bè của nhân vật\	- Thể hiện bản chất tàn ác, hành xử bất công của nhân vật

NV3: Hướng dẫn học sinh tóm tắt truyện và nhân vật

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chuyển giao nhiệm vụ

Gv phát PHT số 3,4 học sinh làm việc nhóm đôi

PHT số 4

Diễn biến	Lời chó sói	Lời chiên con	Nhận xét
1			
2			
3			
4			

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

- GV quan sát, gợi mở

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm

- GV quan sát, hỗ trợ

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

- Làm cho bài học từ câu chuyện trở nên sáng tỏ, thấm thía	chó sói. - Làm cho bài học từ câu chuyện trở nên sáng tỏ, thấm thía
--	--

3. Tóm tắt truyện

PHT số 3 (phụ lục)

4. Nhân vật

Diễn biến	Lời chó sói	Lời chiên con	Nhận xét
1	Sao dám làm đục nguồn nước uống của mình?	Chiên đang ở phía cuối dòng không thể làm đục phía đầu dòng.	Đổi đáp cho thấy lời kết tội của sói là vô lí, chiên con vô tội.
2	Sao dám nói xấu sói năm ngoái?	Năm ngoái chiên chưa ra đời.	Đổi đáp cho thấy lời kết tội của chó sói là bịa đặt.
3	Anh của chiên đã nói xấu sói	Chiên không hề có anh.	Đổi đáp cho thấy lời kết tội của sói là vu khống.
4	Kẻ nào đó	(Lập tức bị sói	Lời kết tội vu vơ

NV5: Tìm hiểu đề tài, bài học Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Xác định đề tài và nêu bài học mà em rút ra từ mỗi truyện?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - GV quan sát, gợi mở Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	<table><tr><td><i>thuộc giống nhà ch iên, giống chó, giống người, ... đã nói xấu sói.</i></td><td><i>lôi vào rừng ăn thịt, “chẳng câu đôi co”).</i></td><td><i>cuối cùng phơi bày dã tâm, bản chất của sói.</i></td></tr></table> => Chó sói là hiện thân cho kẻ mạnh, kẻ bạo tàn, để thỏa mãn nhu cầu của mình, sói sẵn sàng bịa đặt, vu khống, bắt nạt kẻ yếu. Chiên con hiện thân cho sự vô tội, sự thật, lẽ phải nhưng là kẻ yếu, bị kẻ mạnh ức hiếp, vu dập, hãm hại 5. Đề tài, bài học - Hai người bạn đồng hành và con gấu: + Đề tài: Tình bạn và tình người + Bài học: Đừng bao giờ đặt niềm tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn. - Chó sói và chiên con: + Đề tài: Kẻ mạnh và chân lí + Bài học: Kẻ mạnh thường chà đạp chân lí, đạo lí một cách tàn bạo, bất công	<i>thuộc giống nhà ch iên, giống chó, giống người, ... đã nói xấu sói.</i>	<i>lôi vào rừng ăn thịt, “chẳng câu đôi co”).</i>	<i>cuối cùng phơi bày dã tâm, bản chất của sói.</i>
<i>thuộc giống nhà ch iên, giống chó, giống người, ... đã nói xấu sói.</i>	<i>lôi vào rừng ăn thịt, “chẳng câu đôi co”).</i>	<i>cuối cùng phơi bày dã tâm, bản chất của sói.</i>		

Hoạt động 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

b. Nội dung: Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Khái quát nghệ thuật và nội dung văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs trả lời - Hs khác lắng nghe, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	III. Tổng kết 1. Nội dung - Truyện Hai người bạn đồng hành và con gấu: Câu chuyện phê phán những người bỏ mặc bạ bè trong hoàn cảnh khó khăn nguy hiểm, đồng thời đề cao sự thông minh và mưu trí của con người - Truyện Chó sói và chiên con: Qua câu chuyện chúng ta thấy được sự độc ác, hung hăng của con sói. Hình ảnh con sói tượng trưng cho những kẻ xấu trong xã hội, ý mạnh hiếp yếu

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại	để thỏa mãn lợi ích cá nhân. Đồng thời bạn đọc thương cảm sâu sắc với chú chiên con nhút nhát, yếu đuối đã bị sói ăn thịt. Câu chuyện đáng nhớ trên đã đem lại cho người đọc bài học đáng quý về thói xấu trong xã hội 6. Đặc sắc nghệ thuật - Tình huống truyện độc đáo - arrow_forward_iosĐọc thêm - Bố cục tác phẩm truyện mạch lạc - Các yếu tố truyện li kì, hấp dẫn - Sử dụng ngôn ngữ sắc bén, có tính thuyết phục				
Cách tổng kết 2 PHT số ... <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <th style="width: 50%; text-align: center; color: #0070C0;">Những điều em nhận biết và làm được</th><th style="width: 50%; text-align: center; color: #0070C0;">Những điều em còn băn khoăn</th></tr> <tr> <td style="height: 60px;"></td><td></td></tr> </table> ..		Những điều em nhận biết và làm được	Những điều em còn băn khoăn		
Những điều em nhận biết và làm được	Những điều em còn băn khoăn				

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “...”
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Gv tổ chức trò chơi ...</i> Câu 1. Hai người bạn trong truyện <i>Hai người bạn đồng hành và con gấu</i> đã làm gì A. Hai người cùng bỏ chạy. B. Hai người nằm im giả vờ chết. C. Một người leo lên cây, một người nằm im giả vờ chết. D. Hai người bạn cách bắt con gấu về nuôi. 2. Trong truyện <i>Hai người bạn và con gấu</i>, khi gặp người này gấu đã làm gì? A. Lật người này lên, hú lên một tiếng, gọi loài gấu cùng đến ăn thịt. B. Dí mõm vào tai người này ngửi, ngửi mãi. C. Dí mõm vào mũi người này ngửi, ngửi mãi... D. Dí mõm vào miệng người này ngửi, ngửi mãi. 3. Vì sao con gấu trong truyện <i>Hai người bạn đồng hành và con gấu</i> lại hú lên một tiếng? A. Vì gấu rất vui khi có miếng mồi ngon. B. Vì gấu muốn báo tin cho loài gấu cùng đến ăn thịt.	

C. Vì gấu tức giận khi bị hai người bạn chống cự.

D. Vì gấu không ăn những con vật chết.

4. Trong truyện Hai người bạn đồng hành và con gấu, người bạn đi cùng đã hỏi bạn mình điều gì?

A. Cậu có sợ không? Tôi sợ quá!

B. Cậu thấy con gấu này thế nào?

C. Ông Gấu thì thăm với cậu điều gì đó?

D. Ông Gấu nói chuyện gì với cậu vậy?

5. Trong truyện Hai người bạn đồng hành và con gấu, người bạn đã trả lời như thế nào ?

A. Cần tin tưởng bạn bè.

B. Không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn.

C. Khi gặp khó khăn, cần phải mưu trí, dũng cảm.

D. Vì người mưu trí, dũng cảm nên ta tha mạng.

6. Qua truyện Hai người bạn đồng hành và con gấu ta rút ra bài học gì?

A. Cần bình tĩnh để xử lý các tình huống nguy hiểm và tìm cách thoát nguy hiểm cho bản thân.

B. Cần có sự thông minh, sáng suốt để phán đoán đúng những tình huống có.

C. Cần biết cách thoát nguy hiểm cho bản thân, trước hết phải cứu mình rồi H. người.

D. Cần bình tĩnh, thông minh khi gặp tình huống nguy hiểm, đồng thời cũng biết chọn bạn để chơi.

7. Truyện Hai người bạn đồng hành và con gấu phê phán điều gì?

A. Phê phán những người bỏ mặc bạn bè trong hoàn cảnh khó khăn, nguy hiểm.

B. Phê phán những người không biết tôn trọng tình bạn.

C. Phê phán những người thông minh nhưng ích kỷ, chỉ biết nghĩ đến bản thân.

D. Phê phán những người hèn nhát, ích kỷ, không biết quý trọng tình bạn.

8. Trong văn bản Chó sói và chiên con, chó sói gặp chiên con ở đâu?

A. Chiên con đang ở trong hang.

B. Chiên con đang đi kiếm ăn.

C. Chiên con đang đi tìm mẹ.

D. Chiên con đang uống nước bên suối.

9. Trong văn bản Chó sói và chiên con, khi gặp chiên con, sói trong bộ dạng thế nào?

A. Đói, đi lảng vảng kiếm mồi.

B. Đói, lang thang đi kiếm mồi

C. Đói, đang lên từng bước đi kiếm mồi.

D. Ung dung đi kiếm mồi.

10. Trong văn bản Chó sói và chiên con, khi mới gặp chiên con, sói đã làm gì?

A. Ân cần hỏi thăm.

B. Nhẹ nhàng hỏi thăm.

C. Tức giận hét vang

D. Ăn ngay chiên con.

11. Trong văn bản Chó sói và chiên con, chiên con đã gọi chó sói là:

A. Ngài, hoàng thượng.

B. Bệ hạ, ngài.

C. Ông, quý ông.

D. Hoàng thượng, bệ hạ.

12. Trong văn bản *Chó sói và chiên con*, người kể chuyện gọi chó sói là:

A. Con quái ác.

B. Kẻ độc tài.

C. Con vật độc ác.

D. Kẻ hủy diệt.

13. Trong văn bản *Chó sói và chiên con*, chó sói đã vu oan cho chiên con điều gì ?

A. Nói xấu chó sói, khuấy nước..

B. Khuấy nước, làm cho nước ,

C. Nói xấu chó sói.

D. Gặp chó sói không chào.

14. Trong văn bản *Chó sói và chiên con*, vì sao chiên con phải chết.

A. Vì gặp sói khi sói đang đói.

B. Vì mái đôi co với sói.

C. Vì không biết sói là con vật độc ác.

D. Vì quá hiền lành, nhu nhược.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs nhận xét

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Có thể giao về nhà)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

c. Sản phẩm học tập: đoạn văn của HS

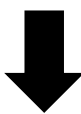
d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Trong hai văn bản: Chó sói và chiên con, Chó sói và cừu non, em thích văn bản nào hơn? Vì sao? Viết một đoạn văn khoảng 4 đến 5 câu nêu cảm nhận của em về văn bản ấy.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả và	<i>Trong hai văn bản, em thích văn bản "Chó sói và chiên con". Truyện kể về cuộc đối thoại giữa chó sói đang đói ăn và chú chiên con hiền lành, nhút nhát. Lời thoại độc đáo, dễ nhớ, dễ cảm nhận, còn bộc lộ được tính cách của từng nhân vật thật rõ nét. Nhân vật sói đã thể hiện thói hung hăng, độc ác, gian xảo, hống hách, bịa đặt và vô lý. Nhân vật chiên con đã cho thấy bản tính nhút nhát, hiền lành, yếu đuối và sự đáng thương. Mỗi nhân vật với những nét tính cách khác nhau đã góp một phần không nhỏ vào việc thể hiện đề tài của truyện. Truyện ngụ ngôn luôn mang đến cho chúng ta những bài học bổ</i>

thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày ấn phẩm - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	<i>ích và ý nghĩa nên em rất yêu thích thể loại này.</i> Bài tham khảo 2: <i>Trong hai văn bản, em thích văn bản "Chó sói và cừu non" hơn. Truyện kể chủ cừu non do đi chậm bị lạc đàn, không may lọt vào tầm ngắm của con chó sói đang đói mồi. Chủ cừu non thông minh đã lừa con sói rằng bác chặn cừu bảo nó đến nộp mạng, còn muốn hát cho con sói nghe. Con sói tưởng thật và khi chủ cừu non cất tiếng kêu lên thì bác chặn cừu cũng tìm đến nơi cừu thoát chủ. Con sói tuy mạnh, gian ác nhưng vẫn thua trí chủ cừu non thông minh, dũng cảm. Mỗi nhân vật với những nét tính cách khác nhau đã góp một phần không nhỏ vào việc thể hiện đề tài của truyện. Truyện ngụ ngôn luôn mang đến cho chúng ta những bài học bổ ích và ý nghĩa nên em rất yêu thích thể loại này.</i>
--	--

IV. Phụ lục

PHT số 3

Tên văn bản: Chó sói và chiên con	
1.	
	
2.	
	
3.	
	
4.	
	

5.

Gợi ý

Tên văn bản: Chó sói và chiên con

1. Chiên con đang uống nước suối thì bất ngờ chó sói xuất hiện, kiểm có hạch sách để ăn thịt chiên.



2. Sói kết tội chiên làm đục nước; câu trả lời của chiên cho thấy lời kết tội của sói là vô lí.



3. Sói kết tội chiên nói xấu sói năm ngoái; câu trả lời của chiên cho thấy lời kết tội của sói là vu khống, bịa đặt.



4. Sói kết tội anh trai chiên đã nói xấu sói; câu trả lời của chiên cho thấy lời kết tội của sói là quàng xiên, bịa đặt và sau đó sói càng kết tội chiên, mức độ quàng xiên, bịa đặt càng tăng.



5. “Chẳng cầu đôi co”, sói tóm cổ chiên lôi vào rừng ăn thịt.

(2) Nhận xét tính cách của hai nhân vật theo nội dung đối đáp được tóm tắt ở câu 3:

Diễn biến	Lời chó sói	Lời chiên con	Nhận xét
1	Sao dám làm đục nguồn nước uống của mình?	Chiên đang ở phía cuối dòng không thể làm đục phía đầu dòng.	Đối đáp cho thấy lời kết tội của sói là vô lí, chiên con vô tội.

2	Sao dám nói xấu sói năm ngoái?	Năm ngoái chiên chưa ra đời.	Đối đáp cho thấy lời kết tội của chó sói là bịa đặt.
3	Anh của chiên đã nói xấu sói	Chiên không hề có anh.	Đối đáp cho thấy lời kết tội của sói là vu khống.
4	Kẻ nào đó thuộc giống nhà chiên, giống chó, giống người,... đã nói xấu sói.	(Lập tức bị sói lôi vào rừng ăn thịt, “chẳng cần đòi co”).	Lời kết tội vu vơ cuối cùng phơi bày dã tâm, bản chất của sói.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Kiến thức về dấu chấm lửng

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề: phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

b. Năng lực riêng biệt:

- Nhận biết được các công dụng của dấu chấm lửng.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi **Bức ảnh bí mật**

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ Gv tổ chức trò chơi Bức ảnh bí mật. Bức ảnh bí mật là chủ đề của tiết học. Để lật mở được, hs phải mở 4 miếng ghép tương ứng với 6 câu hỏi Câu 1: Sắp xếp kí tự sau để thành một từ có nghĩa: ê/t/l/i/k/ê Câu 2: Sắp xếp kí tự sau để thành một từ có nghĩa: n/ậ/g/n/ừ/g/p/n/g Câu 3: Sắp xếp kí tự sau để thành một từ có nghĩa: m/â/b/c/i/h/ế/m Câu 4: Sắp xếp kí tự sau để thành một từ có nghĩa: q/ấ/n/u/ẫ/g/n/g/t Cách 2: + Kể tên một số người bạn mà em yêu mến/ Kể tên một số nơi mà em đã từng đến/ Một số con sông/bãi biển/hòn đảo + Giả sử còn một vài người bạn/ địa danh	Cách 1: - Liệt kê - Ngập ngừng - Châm biếm - Ngắt quãng => Bức ảnh bí mật: Dấu chấm lửng  Cách 2: Gợi ý Lan, Hoa, Minh... => Gv định hướng vào dấu ...

mà em chưa nhớ hết hoặc không đủ chỗ để ghi thì em sẽ kí hiệu như thế nào...

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- Gv quan sát, hỗ trợ

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV dẫn dắt vào bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

a) Mục tiêu:

- Kiến thức về phó từ

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của phó từ

- Vận dụng kiến thức về phó từ để làm các bài tập

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV –HS			DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Gv phát PHT số 1, học sinh thảo luận theo nhóm 4-6 hs</i>			I. Lí thuyết 1. Khái niệm Dấu chấm lửng được kí hiệu bởi ba dấu chấm (...), còn gọi là dấu ba chấm, là một trong những loại dấu câu thường gặp trong văn viết. 2. Công dụng - Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết khi kết hợp với dấu phẩy đứng trước nó. - Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng. - Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm. - Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt. - Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.
Ví dụ	Tác dụng của dấu ba chấm	Kết luận (Khái niệm, công dụng)	
Các nhân vật hầu như không có tên riêng, thường được người kể chuyện gọi bằng danh từ chung như: rùa, thỏ, sói, cừu, cây sậy, thầy bói, bác nông dân...			
[...]Chị Lan từ trong buồng đi ra, khệ nệ ôm cái thúng đặt lên đầu phản.			
Trước đây, ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, sân khấu cho rối nước là...ao làng. Ghế ngồi của khán giả là...thảm cỏ quanh ao			

-Bầm...quan lớn...đê vỡ mây rồi!			
Thấy trời đã sáng Gà gáy ó...o...			
- HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, hỗ trợ - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức			

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV –HS		DỰ KIẾN SẢN PHẨM			
NV1: Bài tập 1, 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài tập 1,2 theo nhóm. Cùng trao đổi và thảo luận - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức		Bài 1 a. Dấu chấm lửng thể hiện còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết b. Dấu chấm lửng tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng chưa liệt kê hết c. Dấu chấm lửng thể hiện chỗ lời nói bỏ dở, ngập ngừng, ngắt quãng d. Dấu chấm lửng thể hiện còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết đ. Dấu chấm lửng biểu thị sự kéo dài của âm thanh gà gáy e. Dấu chấm lửng thể hiện chỗ lời nói bỏ dở, ngập ngừng, ngắt quãng Bài 2 a. Dấu chấm lửng thể hiện lời nói bỏ dở, ngập ngừng của Chiên con khi bị sói bắt nạt b. Dấu chấm lửng thể hiện còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết			
NV2: Bài tập 3 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV phát phiếu học tập số 2					
	a1	a2	b1	b2	
Điểm tương đồng					
Khác biệt					
Gợi ý					

	1	a2	b1	b2	
Điểm tương đồng	Nói về sự kiêu ngạo, huênh hoang của chú		Nói về sự thật hiển nhiên của bầu trời		
Khác biệt	Cách diễn đạt trần thuật liền mạch	Dấu chấm lửng làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung châm biếm về sự ảo tưởng của ếch, khi coi mình là “chúa tể”.	Cách diễn đạt trần thuật liền mạch	Dấu chấm lửng làm giãn nhịp câu văn, tạo nên sự bất ngờ, gây hứng thú cho người đọc về một sự thật hiển nhiên “bầu trời vẫn là bầu trời”.	

NV3: Bài tập 4,5 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài tập 1,2 theo nhóm. Cùng trao đổi và thảo luận - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	Bài 4. Dấu chấm lửng đầu tiên: biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt. Dấu chấm lửng thứ hai: Thể hiện chỗ lời nói bị bỏ dở b. Cả hai dấu chấm lửng đều dùng để biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt Bài 5. a. Dấu chấm lửng đầu tiên: biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt. b. Dấu chấm lửng thứ nhất: “cực...cực” Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng của con gà trống. - Dấu chấm lửng thứ 2: “mặc, mặc,...”: Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng của con vịt. - Dấu chấm lửng thứ 3: biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.
--	---

PHT số 3		
So sánh bài 4 và 5		
	Bài 5	Bài 4

Giống nhau		
Khác nhau		
	Bài 5	Bài 4
Giống nhau	Tác dụng của dấu chấm lửng ở cả hai bài đều để biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.	
Khác nhau	-Lời trích dẫn bị lược bớt ở đây là cả một đoạn văn. -Dấu chấm lửng được tách thành hẳn một dòng riêng.	-Lời trích dẫn bị lược bớt chỉ là một từ hoặc một câu văn. -Dấu chấm lửng ở trên cùng một dòng với câu văn.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Viết một đoạn văn (khoảng 5-7 câu) nói về bài học mà em rút ra được từ một truyện ngụ ngôn, trong đó có sử dụng dấu chấm lửng</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức hoạt động: thu sản phẩm, đọc lướt sản phẩm Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung những điều học sinh chưa chắc chắn	<i>Câu chuyệnẾch ngồi đáy giếng kể về cách nhìn nhận, đánh giá thế giới bên ngoài chỉ qua cái miệng giếng nhỏ hẹp của ếch. Truyện như ngầm phê phán những người vốn hiểu biết thì hạn hẹp mà lúc nào cũng xưng ta đây tài giỏi, hiểu biết nhiều thứ, tự cao, huênh hoang... Từ ý nghĩa mà câu chuyệnẾch ngồi đáy giếng để lại, tự bản thân em thấy cần phải khắc phục những hạn chế của mình. Đồng thời không ngừng học hỏi tích lũy thêm kinh nghiệm để có được tầm nhìn sâu rộng. Không nên chủ quan trong bất cứ việc gì, không kiêu ngạo vì những thứ đó sẽ dẫn đến thất bại trong sự nghiệp và cuộc đời của chúng ta.</i>

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM:
BIẾT NGƯỜI, BIẾT TA**

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp, hợp tác

b. Năng lực riêng biệt

- Kết nối nội dung chùm ca dao với nội dung các truyện ngụ ngôn trong bài học, khơi sâu chủ điểm: Bài học cuộc sống
- Hiểu thêm mối quan hệ giữa đời sống và cách nhìn con người, sự việc của tác giả dân gian.
- Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản, hiểu thêm những chân lí giản dị được thể hiện trong thơ ca dân gian.

2. Phẩm chất:

- Biết yêu thiên nhiên, yêu cái đẹp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT số 1,2
- Tranh ảnh
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: - HS tiếp nhận nhiệm vụ: Điền từ phù hợp vào câu tục ngữ "Ăn thì ..., ở thì..." A. ngon/ tốt B. no/ khó C. dễ/khó D. khó/ dễ - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	- Gọi ý: Ăn thì dễ. Ở thì khó => Ăn là ăn uống cho chính bản thân mình, là việc đơn giản, dựa vào nhu cầu của bản thân còn ở là cách đối nhân xử thế, cách giao tiếp với mọi người xung quanh, không tránh khỏi xích mích, va chạm, vì thế mà "khó". Đối nhân xử thế là bài học mà chúng ta phải học cả đời, trong khuôn khổ tiết học hôm nay, cô trò chúng ta sẽ tìm hiểu một khía cạnh nhorqua văn bản "Biết người biết ta"
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - Gv quan sát, hỗ trợ, cố vấn	
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	
--	--

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản

a. Mục tiêu

- Biết cách đọc văn bản truyện
- Hiểu được nghĩa của từ

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV 1: Hướng dẫn hs đọc, tìm hiểu chú thích Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>+ GV hướng dẫn cách đọc (yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)</i> <i>+ Tìm hiểu một số chú thích</i> - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Hs làm việc cá nhân, tham gia trò chơi - GV quan sát Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức	I. Trải nghiệm cùng văn bản 1. Đọc - HS biết cách đọc diễn cảm 2. Chú thích - Châu chấu - Dè - Ông Đùng

Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi

a. Mục tiêu:

- Kết nối nội dung chùm ca dao với nội dung cá truyện ngụ ngôn trong bài học, khơi sâu chủ điểm Bài học cuộc sống
- Hiểu thêm mối quan hệ giữa đời sống và cách nhìn con người, sự việc của tác giả dân gian
- Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản, hiểu thêm những chân lí giản dị được thể hiện trong thơ ca dân gian

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV –HS	
NV1: Tìm hiểu tình cảm của con voi Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	II. Suy ngẫm và phản hồi (Về nhà) 1. Biện pháp tu từ - Biện pháp tu từ: nói quá

- GV chuyển giao nhiệm vụ: Chia lớp thành nhóm 4-6 Hs, thảo luận theo phiếu học tập số 1

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

- Gv quan sát, hỗ trợ, cố vấn

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

NV2: Tìm hiểu cách cư xử của người quản tượng và dân làng

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chuyển giao nhiệm vụ

Gv phát PHT số 2, Hs thảo luận nhóm đôi

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

- Gv quan sát, hỗ trợ, cố vấn

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

NV3: Hướng dẫn Hs chia sẻ bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của bản thân
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chuyển giao nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ

- Gv quan sát, hỗ trợ, cố vấn

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- Tác dụng: phóng đại tính chất của sự việc nhằm tăng sức biểu cảm, nhấn mạnh vấn đề và gây ấn tượng cho người đọc.

2. Bài học

Bài học em rút ra được ở văn bản 3 là: Bài học về sự khoe khoang

- Lời tự khoe của trăng hay đèn đều đáng ngờ vì cả hai đều có những hạn chế của mình khi đối mặt với thử thách (nây che, gió thổi)

- Trăng chỉ sáng tỏ khi bầu trời không mây, đèn chỉ đủ sáng trong căn phòng không gió hoặc được che chắn cẩn thận

=> Tác giả muốn mượn hình ảnh của trăng, đèn, gió để nói về thái độ và cách ứng xử của con người trong cuộc sống. Mỗi người đều có những năng lực và thế mạnh riêng, ta không nên khoe khoang, so bì, cho mình là giỏi hơn và coi thường người khác vì mỗi người có điểm mạnh ở từng lĩnh vực khác nhau, có người này, người kia.

3. So sánh mục đích của truyện ngụ ngôn với ba văn bản lục bát

- Mục đích sáng tác ba văn bản trên giống với mục đích sáng tác các truyện ngụ ngôn ở chỗ đều giàu tính triết lí, các bài học thường được gợi ra từ một tình huống, một sự việc nào đó.

- Điểm khác nhau: chủ yếu do thể loại quy định, truyện ngụ ngôn dù ngắn gọn vẫn có đầu có cuối, có sự phát triển của sự việc, câu chuyện, thái độ của người nói thường được bộc lộ gián tiếp thông qua việc kể chuyện; các văn bản lục bát 1 và 2 dù có tình huống, sự việc vẫn là thể loại trực tiếp bộc lộ thái độ quan niệm của tác giả

và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	
--	--

Hoạt động 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

b. Nội dung: Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>Theo em, nội dung của văn bản là gì?</i> + <i>Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, hướng dẫn - HS suy nghĩ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	III. Tổng kết (Về nhà) 1. Nội dung Tác giả muốn mượn hình ảnh của trăng, đèn, gió để nói về thái độ và cách ứng xử của con người trong cuộc sống. Mỗi người đều có những năng lực và thế mạnh riêng, ta không nên tự kiêu, so bì, cho mình là giỏi hơn và coi thường người khác vì mỗi người có điểm mạnh ở từng lĩnh vực khác nhau, có người này, người kia.. 2. Nghệ thuật - Ngôn ngữ giàu hình ảnh - Sử dụng các biện pháp ẩn dụ, nhân hóa làm nổi bật các sự vật trong các bài thơ.

Cách tổng kết 2

PHT số ...

Những điều em nhận biết và làm được	Những điều em còn băn khoăn

..

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố bài học

c. Sản phẩm học tập: Thái độ khi tham gia trò chơi, câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv hướng dẫn hs củng cố bài học bằng trò chơi “Vòng quay văn học” hoặc trò tương tự	
Biết người biết ta 1. Văn bản Nực cười châu chấu đá xe/Tưởng rằng chấu ngã xe ai dè xe nghiêng được viết theo thể thơ nào? A. Tự do. B. Lục bát. C. Song thất lục bát. D. Thất ngôn bát cú. 2. Châu chấu trong câu Nực cười châu chấu đá xe là con vật như thế nào? A. Côn trùng có cánh, chân khớp, thân hình tròn trịa, màu sắc tươi sáng, có ích lợi đối với nhà nông. B. Côn trùng có cánh màu xanh lá cây nhạt hoặc nâu nhạt, có lợi nhiều hơn có hại vì chúng tiêu diệt nhiều côn trùng có hại cho cây. C. Côn trùng có cánh, cơ thể hình trụ, đầu tròn và cặp râu dài, có 3 màu chính đặc trưng là: đen huyền, nâu đỏ và vàng nghệ, có lợi nhiều hơn có hại. D. Côn trùng cánh thẳng đầu tròn, thân mập, màu nâu và màu vàng, nhảy giỏi, ăn hại lúa. 3. Văn bản Nực cười châu chấu đá xe/Tưởng rằng chấu ngã xe ai dè nghiêng sử dụng biện pháp tu từ gì? A. So sánh. B. Nhân hóa. C. Nói quá. D. Hoán dụ. 4. Câu đố mười chiếc chiếu không cùng bàn tay sử dụng biện pháp tu từ gì? A. Nói quá. B. Nhân hóa. C. Tương phản. D. Hoán dụ. 5. Nội dung chính của văn bản Con sắt đầu ông Đùng/Đắp mười chiếc chiếu không cùng bàn tay là gì? A. Cần biết lượng sức mình, không được chủ quan. B. Cần hiểu đối phương để biết cách chinh phục đối phương. C. Không được coi thường người khác. D. Nếu nhỏ yếu mà biết đánh một lực to lớn và khỏe mạnh một cách bất ngờ thì vẫn có thể thắng. 6. Câu Đền khoe đèn to hơn trăng trong văn bản 3, sử dụng biện pháp tu từ nào? A. Nhân hóa, so sánh. B. Nhân hóa, hoán dụ. C. Nhân hóa, nói giảm. D. Nhân hóa, tương phản. 7. Câu Đền ra trước gió còn chẳng hời đèn? sử dụng biện pháp tu từ nào? A. Nhân hóa B. Câu hỏi tu từ C. Nói giảm D. Nói quá. 8. Văn bản 3 sử dụng các biện pháp tu từ nào? A. Nhân hóa, so sánh, ẩn dụ, câu hỏi tu từ, điệp cấu trúc. B. Nhân hóa, hoán dụ, ẩn dụ, câu hỏi tu từ, điệp cấu trúc. C. Nhân hóa, so sánh, nói giảm, câu hỏi tu từ, điệp cấu trúc. D. Nhân hóa, so sánh, ẩn dụ, nói quá, điệp cấu trúc. 9. Nội dung chính của văn bản 3 là gì? A. Biết thể hiện được điểm mạnh của mình trước người khác. B. Mong muốn có sự bình đẳng, công minh, luôn biết mình biết ta mà sống. C. Trong cuộc sống, không nên kiêu căng.	

D. Trong cuộc sống cần khiêm tốn.	
- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ - Gv quan sát, hỗ trợ, định hướng Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời, hs khác phản biện, bổ sung ý kiến Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv chốt lại kiến thức	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Có thể hướng dẫn để HS làm ở nhà)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Lão Tử cho rằng “Kẻ biết người là người khôn, kẻ biết mình là người sáng”. Em hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ về câu nói trên</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV tổ chức hoạt động - Hs báo cáo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	Gợi ý: Lão Tử- nhà triết học nổi tiếng của Trung Quốc đã nói: “Kẻ biết người là người khôn, kẻ biết mình là người sáng”. Câu nói trên có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, là bài học rất cần thiết trong cuộc đời chúng ta. Trước tiên ta phải biết vì sao Lão Tử bảo: “Kẻ biết người là người khôn” sở dĩ “Kẻ biết người là người khôn” vì ta có hiểu rõ người đó, biết được tâm tính, sở thích, cách sống của người đó thì ta mới có cách quan hệ thích hợp. Điều thứ hai mà ta cần hiểu rõ ở đây là: “Kẻ biết mình là người sáng”. Kẻ biết mình là kẻ hiểu rất rõ về chính mình, biết mình có được những năng lực gì, có thể làm được những việc gì phù hợp với năng lực của mình, hoàn cảnh của mình thì mới thành công được. Tóm lại, câu nói “Kẻ biết người là người khôn, kẻ biết mình là người sáng” là một chân lí, là một bài học sâu sắc cho chúng ta trong cuộc sống. Câu nói ấy của Lão Tử giúp chúng ta biết nhìn người, nhìn mình để hiểu người, hiểu mình để mà sống một cuộc sống tốt đẹp hơn.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: CHÂN, TAY, TAI, MẮT, MIỆNG

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

b. Năng lực riêng biệt:

- Nhận biết một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật không gian, thời gian.

2. Phẩm chất:

- Biết yêu thiên nhiên, yêu cái đẹp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,3

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề/ Tổ chức hoạt động trải nghiệm

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS, câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv đọc vui 1. Một cây mà có năm cành Giáp nước thì héo, để dành thì tươi ? 2. Trắng, đen cùng ở một nhà Cùng chung người mẹ, cùng là phận con Với bên hàng xóm thân quen Cùng thức, cùng ngủ, vui buồn có nhau ? 3. Khi im thì ở ngang nhau Khi nào chuyển động trước sau nhịp nhàng. Quên mình mà chẳng khoe khoang Âm thầm đi khắp dọc ngang trăm miền. (Là gì?) 4. Một nhà, hai cửa như nhau Chẳng hề phân biệt: cùng vào cùng ra Suốt đời làn gió thoảng qua Cửa mà hết gió, chủ nhà chết theo ? 5. Cả đời luống chịu gian nan Đi buôn mất vốn lại mang nợ nần- Là cái gì 6. Bên ngoài cũng là cửa	Gợi ý: - Bàn tay - Đôi mắt - Bàn chân - Mũi - Tai - Miệng

Trong dao cứa, cối xay Biết ngọt, bùi, đắng cay Nói lời hay ý đẹp Đáp án: Cái miệng - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, gợi mở - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, dẫn dắt vào bài.	
--	--

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản, tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Biết cách đọc văn bản; Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: Gv hướng dẫn học sinh đọc văn bản; học sinh báo cáo dự án về tác giả, tác phẩm đã chuẩn bị

c. Sản phẩm học tập: Cách đọc của HS, dự án của học sinh, câu trả lời bằng ngôn ngữ nói

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV : Hướng dẫn hs đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, gợi mở - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, dẫn dắt vào bài.	I. Trải nghiệm cùng văn bản - HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc - Trả lời được các câu hỏi dự đoán, theo dõi

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Đặc điểm thơ 4 chữ, 5 chữ

- Chủ đề: Tiếng nói của vạn vật
- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.
- Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc, tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.
- Cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên.
- Biết yêu thiên nhiên, yêu cái đẹp.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM				
NV1: Hướng dẫn Hs tóm tắt văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Gv yêu cầu Hs tóm tắt văn bản bằng đoạn văn hoặc sơ đồ</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, gợi mở - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, dẫn dắt vào bài.	II. Suy ngẫm và phản hồi (Về nhà) 1. Tóm tắt văn bản Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay và bác Tai vì ghen tị với lão Miệng chỉ ăn mà không làm gì cả nên bần nhau để mặc lão Miệng, không cho lão ăn gì nữa. Mặc lão Miệng tha hồ ngạc nhiên, sùng sốt, sau khi thông báo cho lão Miệng biết, cả bọn kéo nhau ra về. Một ngày, hai ngày, ba ngày... cả bọn đã thấy mệt mỏi rã rời. Không ai làm nổi việc gì nữa. Đến ngày thứ bảy thì không ai còn chịu nổi. Bác Tai là người nhận ra sai lầm đầu tiên, bèn nói rõ phải trái, rủ cả bọn đến xin lỗi lão Miệng và lại cho lão ăn như xưa. Ăn xong ai nấy đều khoẻ trở lại. Chúng hiểu rằng lão Miệng tuy thối nhưng cũng có công việc của lão, một công việc rất quan trọng, liên quan đến tính mạng của cả bọn. Từ đó lão Miệng, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay và bác Tai lại sống hoà thuận, ai làm việc nấy, không ai còn ghen tị với ai nữa. 2. Đặc điểm truyện ngụ ngôn qua văn bản Chân, tay, tai, mắt, miệng <table border="1"> <tr> <td>Các yếu tố cần xem xét</td><td>Dấu hiệu nhận biết yếu tố của truyện ngụ ngôn trong Chân, tay, tai, mắt, miệng</td></tr> <tr> <td>Đề tài</td><td>Bài học về tình đoàn kết, cộng đồng.</td></tr> </table>	Các yếu tố cần xem xét	Dấu hiệu nhận biết yếu tố của truyện ngụ ngôn trong Chân, tay, tai, mắt, miệng	Đề tài	Bài học về tình đoàn kết, cộng đồng.
Các yếu tố cần xem xét	Dấu hiệu nhận biết yếu tố của truyện ngụ ngôn trong Chân, tay, tai, mắt, miệng				
Đề tài	Bài học về tình đoàn kết, cộng đồng.				
NV2: Hướng dẫn Hs tìm hiểu đặc điểm truyện ngụ ngôn qua văn bản Chân, tay, tai, mắt, miệng Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Hs thảo luận nhóm 4-6 em PHT số 1</i> <table border="1"> <tr> <td>Các yếu tố cần xem xét</td><td>Dấu hiệu nhận biết yếu tố của truyện ngụ ngôn trong Chân, tay, tai, mắt, miệng</td></tr> </table>	Các yếu tố cần xem xét	Dấu hiệu nhận biết yếu tố của truyện ngụ ngôn trong Chân, tay, tai, mắt, miệng			
Các yếu tố cần xem xét	Dấu hiệu nhận biết yếu tố của truyện ngụ ngôn trong Chân, tay, tai, mắt, miệng				

Đề tài		Sự kiện, tình huống	Cuộc tranh cãi giữa các nhân vật.
Sự kiện, tình huống		Cốt truyện	Cốt truyện đơn giản, bắt đầu bằng việc trình bày tình huống.
Cốt truyện		Nhân vật	Nhân vật hài hước, các bộ phận trên cơ thể người.
Nhân vật		Không gian, thời gian	Tương đối

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- GV quan sát, gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả hoạt động;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, dẫn dắt vào bài.

NV3: Hướng dẫn Hs tìm hiểu bài học

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chuyển giao nhiệm vụ

Sai lầm trong cách đối xử của các nhân vật Chân, tay, tai, mắt đối với lão miệng giúp em rút ra bài học gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- GV quan sát, gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả hoạt động;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, dẫn dắt vào bài.

3. Bài học

Sai lầm trong cách đối xử của các nhân vật chân, tay, tai, mắt đối với lão miệng giúp em rút ra bài học về sự tính cộng đồng, xã hội trong cuộc sống.

.

Hoạt động 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

b. Nội dung: Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM				
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, hướng dẫn - HS suy nghĩ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	III. Tổng kết (Về nhà) 1. Nội dung Bài học về lối sống tập thể mỗi người cần phải có trách nhiệm với mọi người, cộng sinh để cùng tồn tại, phải biết tôn trọng và cùng nhau xây dựng cuộc sống chung 2. Nghệ thuật Xây dựng tình huống đặc sắc và hình tượng nhân vật ấn tượng				
Cách tổng kết 2 PHT số ... <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="color: red; text-align: center;">Những điều em nhận biết và làm được</th><th style="color: red; text-align: center;">Những điều em còn băn khoăn</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="height: 100px;"></td><td style="height: 100px;"></td></tr> </tbody> </table> ..		Những điều em nhận biết và làm được	Những điều em còn băn khoăn		
Những điều em nhận biết và làm được	Những điều em còn băn khoăn				

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học. 1. Truyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng thuộc thể loại nào? A. Truyện cổ tích. B. Truyện cười. C. Truyện ngụ ngôn. D. Truyện đồng thoại. 2. Truyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng có thể chia thành mấy phần? A. Hai phần. B. Ba phần.	

C. Bốn phần.

D. Năm phần

3. Có gì độc đáo trong cách xây dựng hệ thống nhân vật trong truyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng?

A. Các nhân vật đều là những bộ phận cơ thể của con người được nhân hóa.

B. Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai cùng quyết tâm chống lại lão Miệng.

C. Các nhân vật nhận ra sai lầm của mình.

D. Các nhân vật đều quyết tâm sửa lỗi sai của mình, yêu thương, đoàn kết lại như xưa.

4. Trước khi quyết định chống lại lão Miệng, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai, sống với nhau như thế nào ?

A. Sống thân thiện, yêu thương nhưng thỉnh thoảng vẫn có xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhưng nhanh chóng được giải quyết.

B. Sống thân thiện, yêu thương, đoàn kết, cùng nhau chia sẻ công việc.

C. Thường xảy ra mâu thuẫn, tị nạnh trong công việc.

D. Bất đồng trong quan điểm, mâu thuẫn trong công việc hằng ngày.

5. Vì sao cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai lại đồng lòng chống lại lão Miệng?

A. Vì cho rằng lão Miệng sung sướng, chỉ ngồi hưởng thụ trong khi những người khác phải làm việc vất vả.

B. Vì cho rằng lão Miệng nói quá nhiều, làm người khác phải đau đầu, khó chịu.

C. Vì cho rằng lão Miệng là người hay nói những điều giả dối nên khiến cho mọi người hiểu lầm nhau.

D. Vì cho rằng lão Miệng được con người tôn trọng, chăm sóc hơn, buổi sáng hay buổi tối luôn được vệ sinh sạch sẽ.

6. Phương án nào không đúng khi nói về việc cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai quyết định chống lại lão Miệng?

A. Cả bọn kéo đến nhà lão Miệng.

B. Không chào hỏi.

C. Hùng hổ xông thẳng vào nhà, quát mắng ầm ĩ.

D. Nói thẳng vào mặt lão Miệng: Ông là kẻ lười nhác, từ nay chúng tôi không làm để nuôi ông nữa.

7. Sau khi quyết định không chung sống với lão Miệng, các nhân vật trong truyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng đã có hành động gì?

A. Cả bọn đóng cửa nhà mình lại và chỉ nằm ngủ.

B. Cả bọn suốt ngày ca hát, nhảy múa.

C. Cả bọn cùng nhau đi du lịch.

D. Cả bọn không làm gì nữa.

8. Vì sao các nhân vật trong truyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng lại phải chịu hậu quả đó?

A. Vì chúng suy bì, tị nạnh, chia rẽ, không cùng nhau làm việc.

B. Vì chúng bị cô chủ và cậu chủ trừng phạt.

C. Vì chúng lười biếng.

D. Vì chúng giận hờn, trách mắng nhau.

9. Các nhân vật trong truyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng đã sửa chữa hậu quả như thế nào ?

A. Gượng dậy, đến nhà lão Miệng để xin lỗi.

B. Gượng dậy, đến nhà lão Miệng, vực lão dậy, đi tìm thức ăn cho Miệng

- C. Gượng dậy, đến nhà lão Miệng khuyên lão dậy làm việc.
D. Gượng dậy, đến nhà lão Miệng cầu xin lão tha thứ và mong lão làm việc.
- 10. Trong các chi tiết sau, chi tiết nào không có yếu tố tưởng tượng?**
A. Cậu Chân, cậu Tay không còn chạy nhảy.
B. Miệng nhọt nhọt cả hai môi, không buồn nhếch mép cười.
C. Cậu Chân, bác Tai, cô Mắt, bác Tai rủ nhau không làm gì.
D. Chân đi, mắt nhìn, tai nghe, miệng ăn.
- 11. Nhóm truyện nào trong các nhóm sau đây cùng thể loại?**
A. Thầy bói xem voi,Ếch ngồi đáy giếng, Sơn Tinh, Thủy Tinh.
B.Ếch ngồi đáy giếng, Hai người bạn đồng hành cùng con gấu, Cây khế.
C. Chó sói và chiên con, Thầy bói xem voi,Ếch ngồi đáy giếng, Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng.
D. Em bé thông minh, Thạch Sanh,Ếch ngồi đáy giếng, Thầy bói xem voi, Thánh Gióng.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
- Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**
- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở
- HS thực hiện nhiệm vụ;
- Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**
- Gv tổ chức hoạt động
- Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi
- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**
- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG
(Về nhà)

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.
c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS		DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ Tìm một truyện ngụ ngôn và 1. Hoàn thiện PHT		<i>Hs tự thực hành</i>
Các yếu tố cần xem xét	Dấu hiệu nhận biết yếu tố của truyện ngụ ngôn	
Đề tài		
Sự kiện, tình huống		
Cốt truyện		
Nhân vật		

Không gian, thời gian			
2. Em rút ra được bài học gì qua truyện ngụ ngôn đó? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 nhóm trình bày sản phẩm - Hs đại diện nhóm báo cáo sản phẩm. HS khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức			

VIẾT:
VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ THẬT CÓ LIÊN QUAN
ĐẾN NHÂN VẬT LỊCH SỬ HOẶC SỰ KIỆN LỊCH SỬ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề: phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

b. Năng lực riêng biệt

- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả.

- Cách viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập dữ liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem và chỉnh sửa rút kinh nghiệm.

2. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: Biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b. Nội dung: Gv trình chiếu hình ảnh cây xanh trước và sau khi được cắt tỉa để học sinh có hình dung về văn bản trước và sau khi tóm tắt

c. Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS, PHT

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Gv tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn. Chia lớp ra thành 3-4 nhóm. Trong thời gian 1 phút, các nhóm sẽ ghi lại những nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. Nhóm nào nhanh và đúng nhiều nhất sẽ chiến thắng</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	- Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Toản, Dã Tượng, Yết Kiêu, Lê Lợi, Nguyễn Du, Võ Thị Sáu, Lê Duẩn, Bác Hồ, Giỗ Tổ, Bác Hồ đọc tuyên ngôn...
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, hỗ trợ - HS suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS đọc, trình bày câu trả lời - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vào bài mới:	

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ

a. Mục tiêu:

- Yêu cầu về bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
- Nhận dạng được một số yếu tố của thơ bốn chữ, năm chữ về số tiếng, vần, nhịp thơ.
- Bước đầu biết làm bài thơ bốn chữ, năm chữ

b. Nội dung: Gv hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																
NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu một số điểm cần lưu ý khi viết bài kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Em hãy cho biết khi viết bài kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử cần lưu ý những điều gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn - GV quan sát, gợi mở (em thấy kênh nào dễ nhìn, dễ nhớ hơn...) Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	1. Một số điểm cần lưu ý khi viết bài kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử - Sự kiện được kể lại trong văn bản là có thật và liên quan đến nhân vật và sự kiện lịch sử - Sử dụng ngôi thứ nhất để kể lại câu chuyện theo một trình tự hợp lý - Sử dụng chi tiết, thông tin chọn lọc, tin cậy về sự việc, nhân vật, sự kiện - Sử dụng yếu tố miêu tả trong bài viết - Kết hợp kể chuyện với miêu tả một cách tự nhiên, hợp lý																
NV2: Hướng dẫn Hs phân tích kiểu văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + GV phát PHT số 1 <table><tr><th>Yếu tố</th><th>Nội dung</th></tr><tr><td>Mở bài</td><td></td></tr><tr><td>Thân bài</td><td></td></tr><tr><td>Kết bài</td><td></td></tr><tr><td>Người viết có sử dụng yếu tố miêu tả khi thuật lại sự kiện không</td><td></td></tr></table> + Từ PHT số 1, yêu cầu Hs rút ra đặc điểm của kiểu văn bản kể lại sự việc có thật liên	Yếu tố	Nội dung	Mở bài		Thân bài		Kết bài		Người viết có sử dụng yếu tố miêu tả khi thuật lại sự kiện không		2. Phân tích kiểu văn bản <table><tr><th>Yếu tố</th><th>Nội dung</th></tr><tr><td>Mở bài</td><td>Giới thiệu sự việc: lễ hội tưởng nhớ Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực; không gian, thời gian diễn ra lễ hội</td></tr><tr><td>Thân bài</td><td> - Người viết thuật lại các sự việc, sự kiện + Thuật lại câu chuyện về người anh hùng Nguyễn Trung Trực, cảnh tượng đền miếu thờ... + Kể lại những công trạng của nhân vật, kể các </td></tr></table>	Yếu tố	Nội dung	Mở bài	Giới thiệu sự việc: lễ hội tưởng nhớ Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực; không gian, thời gian diễn ra lễ hội	Thân bài	- Người viết thuật lại các sự việc, sự kiện + Thuật lại câu chuyện về người anh hùng Nguyễn Trung Trực, cảnh tượng đền miếu thờ... + Kể lại những công trạng của nhân vật, kể các
Yếu tố	Nội dung																
Mở bài																	
Thân bài																	
Kết bài																	
Người viết có sử dụng yếu tố miêu tả khi thuật lại sự kiện không																	
Yếu tố	Nội dung																
Mở bài	Giới thiệu sự việc: lễ hội tưởng nhớ Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực; không gian, thời gian diễn ra lễ hội																
Thân bài	- Người viết thuật lại các sự việc, sự kiện + Thuật lại câu chuyện về người anh hùng Nguyễn Trung Trực, cảnh tượng đền miếu thờ... + Kể lại những công trạng của nhân vật, kể các																

<i>quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn - GV quan sát, gợi mở (em thấy kênh nào dễ nhìn, dễ nhớ hơn...) Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	<table border="1"> <tr> <td></td><td>sự việc và tác động của sự việc liên quan tới nhân vật lịch sử đối với người dân.</td></tr> <tr> <td>Kết bài</td><td>Khẳng định ý nghĩa của lễ hội, nêu cảm nhận của người viết</td></tr> <tr> <td>Người viết có sử dụng yếu tố miêu tả khi thuật lại sự kiện không</td><td>Kết hợp giữa tự sự và miêu tả</td></tr> </table> => Bố cục bài viết cần đảm bảo + Mở bài: Giới thiệu sự vật có liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử + Thân bài: Thuật lại quá trình diễn biến của sự việc, chỉ ra mối liên quan giữa sự việc với nhân vật/ sự kiện lịch sử, kết hợp kể chuyện với miêu tả + Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của sự việc, nêu cảm nhận của người viết		sự việc và tác động của sự việc liên quan tới nhân vật lịch sử đối với người dân.	Kết bài	Khẳng định ý nghĩa của lễ hội, nêu cảm nhận của người viết	Người viết có sử dụng yếu tố miêu tả khi thuật lại sự kiện không	Kết hợp giữa tự sự và miêu tả
	sự việc và tác động của sự việc liên quan tới nhân vật lịch sử đối với người dân.						
Kết bài	Khẳng định ý nghĩa của lễ hội, nêu cảm nhận của người viết						
Người viết có sử dụng yếu tố miêu tả khi thuật lại sự kiện không	Kết hợp giữa tự sự và miêu tả						
NV3: Hướng dẫn Hs tìm hiểu bước trước khi viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + GV hướng dẫn tìm hiểu bước Trước khi viết bằng PHT số 1 - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn - GV quan sát, gợi mở Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	3. Viết theo quy trình Đề bài: Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết a. Xác định mục đích, người đọc - Mục đích viết: viết bài kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử - Người đọc: thầy cô, bạn bè, gia đình - Thể thơ: bốn chữ/ năm chữ b. Xác yêu cầu của đề bài - Viết bài văn về một sự việc có liên quan đến một nhân vật lịch sử chống ngoại xâm hoặc mở mang bờ cõi đất nước, được người dân tôn vinh, thờ phụng						

NV2: Hướng dẫn Hs tìm ý, lập dàn ý Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + Gv phát PHT số 2 <i>Ý tưởng của tôi về bài viết thuật lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử</i> - Không gian, thời gian diễn ra sự việc: - Diễn biến của sự việc: - Các dấu tích, hiện vật liên quan đến sự kiện, nhân vật: - Các nhân chứng, dẫn liệu có thể trích dẫn: + Hs lập dàn ý chi tiết - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, hướng dẫn - HS đọc, quan sát, suy nghĩ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS đọc sản phẩm - GV gọi hs nhận xét, bổ sung sản phẩm của bạn Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, khích lệ học sinh NV3: Hướng dẫn Hs viết bài Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + Gv chiếu và phát bảng kiểm + Hs tiến hành viết bài văn hoàn chỉnh - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện	- Một sự việc có thật liên quan đến nhân vật anh hùng trong kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ cứu nước - Một sự việc có thật liên quan đến các sự kiện, nhân vật có công đổi mới hoặc có thành tích trong lao động, sản xuất c. Thu thập tư liệu - Thu thập từ các nguồn khác nhau: Tài liệu từ thực tế, hiện vật bảo tàng hoặc tài liệu trên Internet Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý a. Tìm ý Hs làm theo PHT số 2 b. Lập dàn ý Dựa vào phần tìm ý và sơ đồ trang 48 để lập dàn ý chi tiết cho bài văn Bước 3: Viết bài
---	---

nhiệm vụ - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn - GV quan sát, gợi mở Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức NV4: Hướng dẫn Hs chỉnh sửa và chia sẻ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + <i>Gv tiếp tục chiếu bảng kiểm</i> + <i>Hs tiến hành viết bài văn hoàn chỉnh</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn - GV quan sát, gợi mở Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	d. Chỉnh sửa và chia sẻ - Dựa vào bảng kiểm, Hs xem xét và điều chỉnh bài viết
---	--

IV. Phụ lục

Bảng kiểm

Các phần	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu sự việc có liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử.		
	Nêu được không gian, thời gian diễn ra sự việc.		
Thân bài	Sự việc có thật, liên quan đến nhân vật/ sự kiện, dấu tích lịch sử.		
	Sử dụng ngôi kể phù hợp (ngôi thứ nhất số ít hoặc số nhiều).		
	Thuật lại diễn biến của sự việc theo trình tự hợp lí.		

	Cho thấy mối liên hệ giữa sự việc có thật với nhân vật / sự kiện lịch sử.		
	Sử dụng các câu, đoạn miêu tả phù hợp (tả cảnh quan, nhân vật, vật chứng,...)		
	Sử dụng tư liệu đáng tin cậy (hiện vật, lời nói)		
Kết bài	Khẳng định ý nghĩa của sự việc.		
	Nêu cảm nhận của người viết về sự việc.		

Tuần: 6-7
Tiết: 24-25

NÓI VÀ NGHE:
KỂ LẠI MỘT TRUYỆN NGỤ NGÔN
SỬ DỤNG VÀ THƯỜNG THỨC NHỮNG CÁCH NÓI
THÚ VỊ, HÀI HƯỚC TRONG KHI NÓI VÀ NGHE

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Kể lại được truyện ngụ ngôn.
- Biết vận dụng và thường thức những cách nói thú vị trong khi nói và nghe.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

*** Năng lực đặc thù**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Về phẩm chất

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, bảng, phấn, bút lông.
- SGK, SGV.
- Đồ vật minh họa, đoạn video clip, tranh ảnh,... (nếu cần).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

2. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

3. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

4. Tổ chức thực hiện:



B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV cho HS quan sát hình ảnh và đặt câu hỏi gợi mở vấn đề:

Em đã từng kể lại chuyện ngụ ngôn cho người khác nghe chưa? Người nghe em kể là ai? Em đã kể chuyện đó theo cách thức như thế nào? Em nhận thấy người nghe có hiểu, có thích thú không?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

Hs suy nghĩ

B3: Báo cáo, thảo luận

Hs chia sẻ, trả lời các câu hỏi

B4: Kết luận, nhận định (GV):

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Truyện ngụ ngôn luôn là thế giới đầy hấp dẫn với những câu chuyện đầy màu sắc, lung linh và huyền ảo. Vậy làm thế nào để chúng ta kể được câu chuyện đúng và hấp dẫn.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

Nhiệm vụ 1: Nói và nghe kể lại một truyện ngụ ngôn

TRƯỚC KHI NÓI	
Mục tiêu: - Trình bày được các yêu cầu của bài kể về một truyện ngụ ngôn.. Xác định được đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói. Lập được dàn ý cho bài kể lại một truyện ngụ ngôn. Nội dung: HS trả lời câu hỏi để xác định yêu cầu, HS trả lời câu hỏi để xác định được đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: - Bài văn kể lại một truyện ngụ ngôn cần đảm bảo những yêu cầu gì? - Khi luyện tập và trình bày bài nói kể lại một truyện ngụ ngôn, em cần lưu ý điều gì? - Em cần làm gì để bài nói của mình hấp dẫn, thu hút người nghe? Trong bài học này, em sẽ thực hiện hoạt động nói và nghe gì? - Bài nói này nhằm mục đích gì? - Người nghe có thể là ai? - Em sẽ trình bày bài nói ở đâu? Trong thời gian bao lâu? GV yêu cầu HS: - Trình bày các bước xây dựng bài nói. - Lập dàn ý cho bài nói kể lại một truyện ngụ ngôn. - Kiểm tra dàn ý bài nói để đáp ứng yêu cầu:	I. Nói và nghe 1. Yêu cầu chung - Dùng ngôi thứ nhất để kể. - Sử dụng một trong những cách sau để bài nói thêm hấp dẫn: + Sử dụng hình ảnh: vẽ bức tranh liên quan đến câu chuyện hoặc tóm tắt truyện bằng sơ đồ tư duy... + Sử dụng âm thanh: dùng nhạc nền hoặc video clip minh họa cho bài nói. + Sử dụng đồ vật, mô hình: cầm một đồ vật hoặc mô hình liên quan đến nội dung câu chuyện của em trong khi kể. 2. Các bước tiến hành

- Câu chuyện cần có đủ 3 phần: giới thiệu, nội dung và kết thúc; được kể từ ngôi thứ nhất. - Câu chuyện giới thiệu rõ ràng (các) nhân vật, không gian, thời gian xảy ra; các sự việc được kể theo trình tự hợp lý; thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình đối với những sự việc, con người trong câu chuyện. - Trình bày suy nghĩ, bài học rút ra từ câu chuyện. B2: Thực hiện nhiệm vụ Cá nhân HS suy nghĩ câu trả lời. B3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi về yêu cầu của bài văn kể lại một truyện ngụ ngôn. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS về yêu cầu của bài kể lại một truyện ngụ ngôn. - GV nhận xét và nhắc lại các bước xây dựng bài nói kể lại một truyện ngụ ngôn.	
---	--

TRÌNH BÀY NÓI	
Mục tiêu: Kể lại được một truyện ngụ ngôn. Nội dung: Bài làm của HS.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS: - Trước tiên, luyện tập trong nhóm kể lại một truyện ngụ ngôn. - Sau đó, cá nhân HS kể lại truyện ngụ ngôn trước lớp. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS luyện tập theo nhóm kể lại một truyện ngụ ngôn. B3: Báo cáo, thảo luận - 2 – 3 HS kể lại một truyện ngụ ngôn. - Các HS khác lắng nghe và ghi chép, nêu câu hỏi (nếu có). B4: Kết luận, nhận định GV nhận xét ngắn gọn phần trình bày của các HS và đề nghị HS chuẩn bị cho hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm. Lưu ý: Ở hoạt động này, GV chỉ nhận xét khái quát, ngắn gọn về mức độ và thái độ thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, còn các nhận xét, đánh giá chi tiết về từng bài trình bày của HS thì GV sẽ thực hiện sau khi	3. Trình bày bài nói

HS thực hiện việc trao đổi, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.	
---	--

SAU KHI NÓI	
Mục tiêu: – Tự đánh giá được với tư cách người nói và đánh giá được bài nói của bạn với tư cách người nghe; rút ra được kinh nghiệm cho bản thân. – Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp. Nội dung: Câu trả lời của HS: Tự đánh giá và rút kinh nghiệm về bài của mình và của bạn.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) (1) Trước tiên, GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và dùng bảng kiểm để tự đánh giá kỹ năng kể lại truyện ngụ ngôn (đối với những HS trình bày bài nói). (2) Sau đó, GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm và dùng bảng kiểm đánh giá kỹ năng kể lại truyện ngụ ngôn của bạn với tư cách người nghe. (3) Cuối cùng, GV yêu cầu tất cả HS suy ngẫm và rút kinh nghiệm từ hoạt động kể lại một truyện ngụ ngôn vừa thực hiện. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo thứ tự: (1) > (2) – (3) B3: Báo cáo, thảo luận - Đối với nhiệm vụ (2), đại diện 2 – 3 HS trình bày kết quả nhận xét, đánh giá bài nói của bạn. HS được nhận xét có quyền trao đổi, giải thích thêm hoặc nếu thắc mắc cần được giải đáp với người nhận xét nếu muốn, cần đảm bảo cuộc trao đổi diễn ra nhã nhặn, lịch sự, tôn trọng nhau. – Đối với nhiệm vụ (3), 1 – 2 HS trình bày kinh nghiệm rút ra được từ việc thực hiện các nhiệm vụ học tập. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS trên ba phương diện: + Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần lưu ý, điều chỉnh về cách kể lại một truyện ngụ ngôn của HS. + Cách nhận xét, đánh giá kỹ năng kể lại một truyện ngụ ngôn của HS: HS đã biết sử dụng những tiêu chí	4. Trao đổi về bài nói

trong bảng kiểm để nhận xét, đánh giá chưa? HS có nhận ra những ưu điểm, những điểm cần khắc phục trong bài nói của bản thân và của các bạn hay không?... + Cách HS lắng nghe và phản hồi với nhận xét, đánh giá của các HS khác trong lớp. – GV giải đáp những gì HS thắc mắc (nếu có).	
---	--

Nhiệm vụ 2: Sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị trong khi nói và nghe

SỬ DỤNG VÀ THƯỞNG THỨC NHỮNG CÁCH NÓI THÚ VỊ, HÀI HƯỚC TRONG KHI NÓI VÀ NGHE	
Mục tiêu: biết sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị, dí dỏm, hài hước trong khi nói và nghe. Nội dung: Tìm hiểu các cách nói thú vị, hài hước	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Gv yêu cầu học sinh đọc nội dung SGK . Từ đó hãy trình bày các cách nói thú vị, hài hước trong khi nói và nghe? B2: Thực hiện nhiệm vụ Hs đọc, suy nghĩ B3: Báo cáo, thảo luận Hs trả lời câu hỏi B4: Kết luận, nhận định Gv nhận xét, kết luận các cách nói thú vị trong khi nói và nghe.	II. <u>Sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị trong khi nói và nghe</u> - Nhấn mạnh tính hài hước trong câu chuyện - Sử dụng hình thức chế, nhại - Sử dụng cách chơi chữ, nói quá, so sánh

3. HĐ 3: Luyện tập

Củng cố lại kiến thức đã học.

b) Nội dung

Học sinh chơi trò chơi

c) Sản phẩm

Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Gv giới thiệu trò chơi, hướng dẫn luật chơi

B2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh chọn câu hỏi, chơi

B3: Báo cáo, thảo luận

Học sinh trả lời

B4: Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét, đánh giá

4. HĐ 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ nói và nghe.
- Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập

b) Nội dung

Chọn một truyện ngụ ngôn rồi đóng kịch (phân vai).

c) Sản phẩm: Phần trình bày của học sinh

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Mỗi tổ là một đội (4 đội)

Chọn một truyện ngụ ngôn rồi đóng kịch (phân vai).

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện

B3: Báo cáo, thảo luận

Học sinh đóng kịch

B4: Kết luận, nhận định

HS dùng rubric để nhận xét lẫn nhau.

- GV nhận xét thái độ thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và sản phẩm của HS.

ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

b. Năng lực riêng biệt:

- Vận dụng được các năng lực để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập

2. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

- c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

- d) Tổ chức thực hiện:**

1	Đ	Ê	Ô	Ç	À	Y	G	I	Ũ	A	Đ	U	Ò	N	G			
2			T	H	À	Y	B	Ó	I	X	E	M	V	O	I			
3	Ê	C	H	N	G	Ò	I	Đ	Á	Y	G	I	Ê	N	G			
4	Đ	E	O	L	U	C	L	Ạ	C	C	H	O	M	È	O			
5								T	H	Ỏ	V	À	R	Ù	A			
6		Ê	C	H	V	À	C	H	U	Ộ	T							
7	L	A	P	H	Ô	N	G	T	E	N								
8	C	H	Â	N	T	A	Y	T	A	I	M	Ả	T	M	I	Ê	N	G

T	R	U	Y	Ê	N	N	G	U	N	G	Ô	N
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Gv tổ chức trò chơi Ô chữ bí mật	- Từ khóa: Tình yêu vạn vật => Thông điệp của chủ điểm Tiếng nói vạn vật
Hàng ngang 1: Câu thơ sau gợi nhắc đến câu chuyện nào?	
Đèo cày theo ý người ta	
Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì	
Hàng ngang 2: Tên câu chuyện phê phán những người dù không có cái nhìn toàn diện nhưng vẫn nhất mực khẳng định ý của mình là đúng.	
Hàng ngang 3: Tên câu chuyện phê phán những người có hiểu biết hạn hẹp nhưng luôn tỏ ra huênh hoang, tự đắc	
Hàng ngang 4: Câu chuyện giễu cợt những ý tưởng viển vông từ đó khuyên nhủ con người cần đề cao cách thực hiện hơn việc đưa ra ý tưởng	
Hàng ngang 5: Tên câu chuyện ca ngợi những con người có ý chí, kiên trì và phê phán	

những người lười biếng
Hàng ngang 6: Tên câu chuyện đưa ra bài học trong cạnh tranh. Khi chúng ta áp dụng thủ đoạn không chính đáng để đối phó đối thủ thì bản thân ta cũng bước vào ngưỡng cửa thất bại

Hàng ngang 7: Tên một nhà thơ nổi tiếng của Pháp

Hàng ngang 8: Câu chuyện gửi gắm thông điệp về tình đoàn kết và bài học về sự nhìn nhận, đánh giá từ mọi phía

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện đánh giá theo phiếu.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trả lời

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

B. HOẠT ĐỘNG CỤN CỐ - LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, vấn đề đã học trong chủ đề

b) **Nội dung:** GV trình bày vấn đề

c) **Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	
NV1: Bài 1,2,3,7 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Gv yêu cầu Hs làm bài 1,2,3,7</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện đánh giá theo phiếu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	Bài 1: Em khẳng định những câu chuyện trên đều là truyện ngụ ngôn vì chúng đều có đặc điểm tiêu biểu nhất của truyện ngụ ngôn như: - Nhân vật trong truyện ngụ ngôn thường là loài vật hoặc con người và không được miêu tả chi tiết về ngoại hình. - Nội dung ngắn gọn, thường được viết bằng thơ hoặc văn xuôi. - Cấu trúc: Tình hình ban đầu, xung đột, kết quả hoặc giải quyết, đạo đức. - Thời gian và không gian không cụ thể. - Mượn các nhân vật trong truyện ngụ ngôn để nêu lên một bài học về cách ứng xử hoặc vấn đề đạo đức của con người. Bài 2 - Cách nhìn hạn hẹp của nhân vật con ếch và các ông thầy bói đã mang lại hậu quả không mấy tốt đẹp: + Con ếch thì bị trâu đi qua dẫm bẹp. + Các ông thầy bói thì tranh cãi kịch liệt, đánh nhau toác đầu chảy máu. - Bài học rút ra từ hai truyện: Cần cố gắng mở rộng tầm hiểu biết của mình, không được chủ quan mà nên khiêm tốn học hỏi, nâng cao kiến thức, trình độ của bản thân. Bài 3:

vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. NV2: Bài 4,5 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Gv lần lượt hướng dẫn hs làm các bài tập 4,5</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ: Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời - GV quan sát, lắng nghe Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày trải nghiệm cá nhân - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức NV3: Bài 6 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: hướng dẫn học sinh làm bài 6 - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ viết bài - GV quan sát, lắng nghe Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo	Gợi ý: (1) Em thích truyện "Hai người bạn đồng hành và con gấu" hơn vì đây là câu chuyện này đã giúp em nhận ra được bài học sâu sắc về tình bạn khi hoạn nạn. Không chỉ vậy truyện còn đề cao trí thông minh của con người khi người bạn ở dưới đất đã vờ chết để tránh khỏi sự hung dữ của con gấu. (2) Trong hai văn bản, em thích văn bản bản "Chó sói và chiên con". Truyện kể về cuộc đối thoại giữa chó sói đang đói ăn và chú chiên con hiền lành, nhút nhát. Lời thoại độc đáo, dễ nhớ, dễ cảm nhận, còn bộc lộ được tính cách của từng nhân vật thật rõ nét. Nhân vật sói đã thể hiện thói hung hăng, độc ác, gian xảo, hống hách, bịa đặt và vô lý. Nhân vật chiên con đã cho thấy bản tính nhút nhát, hiền lành, yếu đuối và sự đáng thương. Mỗi nhân vật với những nét tính cách khác nhau đã góp một phần không nhỏ vào việc thể hiện đề tài của truyện. Truyện ngụ ngôn luôn mang đến cho chúng ta những bài học bổ ích và ý nghĩa nên em rất yêu thích thể loại này. Bài 4: a. Khi viết một bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử, em cần lưu ý: - Sự kiện được kể lại trong văn bản là có thật và liên quan đến nhân vật / sự kiện lịch sử - Sử dụng người kể chuyện ngôi thứ nhất (xưng “tôi”) thuật lại sự việc theo một trình tự hợp lý - Sử dụng chi tiết, thông tin chọn lọc, tin cậy về sự việc, nhân vật/ sự kiện - Sử dụng yếu tố miêu tả trong bài viết - Kết hợp kể chuyện với miêu tả một cách hợp lý, tự nhiên - Bỏ cục bài viết cần đảm bảo: mở bài, thân bài, kết bài b. Câu văn theo em nên dùng dấu chấm lửng là: Sống trong cảnh đất nước bị xâm lược nên từ nhỏ, Kim Đồng đã dũng cảm, quyết đoán, mạnh mẽ, có tinh thần yêu nước, căm thù giặc... => Dấu chấm lửng biểu đạt ý còn nhiều đức tính tốt đẹp của anh Kim Đồng chưa được kể hết. Bài 5 a. Cách chuẩn bị bài nói kể lại một truyện ngụ ngôn cho hấp dẫn: - Chuẩn bị: + Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói + Tìm ý, lập dàn ý cho bài nói - Trình bày: + Tìm cách mở đầu và kết thúc sao cho hấp dẫn như: xem lại ảnh, một bức tranh, một câu tục ngữ,... liên quan đến truyện ngụ ngôn sắp kể + Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói + Nói to, rõ, hào hứng, tự nhiên + Phân bố thời gian nói hợp lý
--	---

luận - HS trình bày - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức của bạn.	b. Có thể rèn luyện khả năng sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị, dí dỏm trong khi nghe bằng cách: - Nhấn mạnh tính hài hước trong câu chuyện. - Sử dụng hình thức chế, nhại. - Sử dụng cách chơi chữ, nói quá, so sánh. Bài 6 Một số điểm cần lưu ý khi sử dụng dấu chấm lửng: - Cần sử dụng dấu chấm lửng đúng nơi, đúng chỗ và đúng mục đích của từng câu. - Không nên đặt dấu chấm lửng sai vị trí, tránh làm sai lệch ý câu văn. - Sử dụng dấu chấm lửng đúng công dụng của nó. Bài 7 Em có thể học được rất nhiều điều: - Khi nhìn nhận bất cứ một sự việc, vấn đề gì cần phải nhìn bao quát, toàn diện, tránh phán xét phiến diện, nhìn một chiều. - Trong cuộc sống cần phải tự biết bảo vệ bản thân mình, sống dũng cảm, tự rèn luyện phẩm chất khiêm tốn, không ngừng tu dưỡng bản thân. - Sống phải biết chia sẻ, tôn trọng, yêu thương, giúp đỡ mọi người khi gặp khó khăn, không bỏ rơi người khác trong hoàn nạn.
---	---

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Em hãy sưu tầm những câu ca dao, tục ngữ, danh ngôn cùng chủ đề với các truyện ngụ ngôn đã học</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, gợi mở - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung	Ếch ngồi đáy giếng: - Khôn nhà đại chợ. - Thùng rỗng kêu to. - Cui trờì bằng vung. - Ở nhà nhất mẹ nhì con Ra đường còn lăm kẻ giòn hơn ta Thầy bói xem voi: - Chín người, mười ý. - Cãi chày cãi cối. ...

Rút kinh nghiệm:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

DUYỆT CỦA TỔ PHÓ

GIÁO VIÊN



Trương Thị Kim Hằng